

2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



*“Vượt qua thử thách -
Mạnh mẽ đi lên”*

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý Cổ đông!

Năm 2018 là một năm thành công toàn diện của kinh tế Việt Nam, khi tất cả **12/12** chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đều đạt và vượt mục tiêu đề ra, nổi bật là tốc độ tăng trưởng GDP đạt mức kỷ lục 7,08% (là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 năm qua). Theo đà tăng trưởng của nền kinh tế chung, Ngành Dệt May Việt Nam đã thực hiện vượt mức kế hoạch với kim ngạch xuất khẩu đạt 36,26 tỷ USD, là mức tăng trưởng ấn tượng 16,38% so với thực hiện năm 2017 và tiếp tục xuất sắc.

Để đạt được các kết quả ngoạn mục như trên là nhờ vào sự quyết tâm đổi mới, sáng tạo của toàn hệ thống chính trị, các Ngành, cộng đồng doanh nghiệp... rất đáng được trân trọng, khích lệ. Trong khi, các doanh nghiệp luôn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức do những biến động thế giới khó lường, sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng, chiến tranh thương mại giữa các quốc gia mà đáng kể là cuộc chiến Mỹ - Trung ngày càng trở nên phức tạp... Thêm vào đó là những khó khăn, hạn chế vốn có của nền kinh tế trong nước, gồm chi phí tăng cao, sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam thấp, tính tự chủ của nền kinh tế chưa theo kịp yêu cầu, thiếu đồng bộ trong nền kinh tế cũng như trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh... Từ đó, đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động và hiệu quả của doanh nghiệp.

Thành Công trong năm qua, trước các khó khăn chung từ nền kinh tế và những hạn chế tồn tại của chính mình, Tập thể Ban lãnh đạo & Cán bộ công nhân viên đã không ngừng nỗ lực vượt mọi khó khăn, quyết tâm đổi mới, sáng tạo và đã thực hiện hàng loạt chương trình tái cơ cấu các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và danh mục đầu tư kém hiệu quả; tập trung nguồn lực khai thác các Ngành sản phẩm có hiệu quả cao hơn; luôn luôn có biện pháp xử lý tốt, nhanh chóng đối với các sự cố phát sinh trong quá trình hoạt động... Kết quả năm 2018, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu của Đại Hội Cổ Đông thường niên 2018 để ra: **Doanh thu vượt 15% và Lợi nhuận vượt 35% so với năm 2017.**

Thay mặt Hội đồng Quản trị tôi xin ghi nhận và cảm ơn Tập thể Ban lãnh đạo & người lao động đã rất nỗ lực trong sản xuất kinh doanh để có được những kết quả đáng khích lệ này. Tôi cũng xin gửi lời tri ân đến các Quý cổ đông, các đối tác và khách hàng đã tin tưởng và hỗ trợ Công ty trong một năm qua.

Năm 2019, với dự báo thách thức khó khăn hơn nhiều so với năm 2018, kinh tế toàn cầu đang chững lại; các thị trường lớn Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc được dự báo suy giảm, tăng trưởng thấp hơn 2018; dự báo nhiều bất ổn cho Dệt May, đặc biệt

là nguồn cung vải nhập cho may xuất khẩu dự báo giảm... Nhưng, Ngành Dệt May dự báo vẫn còn lợi thế tiêu chuẩn môi trường, nhà xưởng, lao động... so với các nước trong khu vực; cơ hội từ các Hiệp định CPTPP, EVFTA với những thị trường tiềm năng đến gần..., sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện tốt hơn nhiệm vụ năm 2019.

Bên cạnh những nhân tố khách quan, những kinh nghiệm thực tiễn năm qua cũng cho chúng ta hiểu rõ hơn các yếu kém cần khắc phục và những mặt mạnh cần phải được phát huy hơn nữa, đặc biệt Công ty với một Tập thể cán bộ công nhân viên luôn nỗ lực, sẵn sàng đổi mới, đoàn kết cùng nhau thực hiện tốt nhiệm vụ chung.

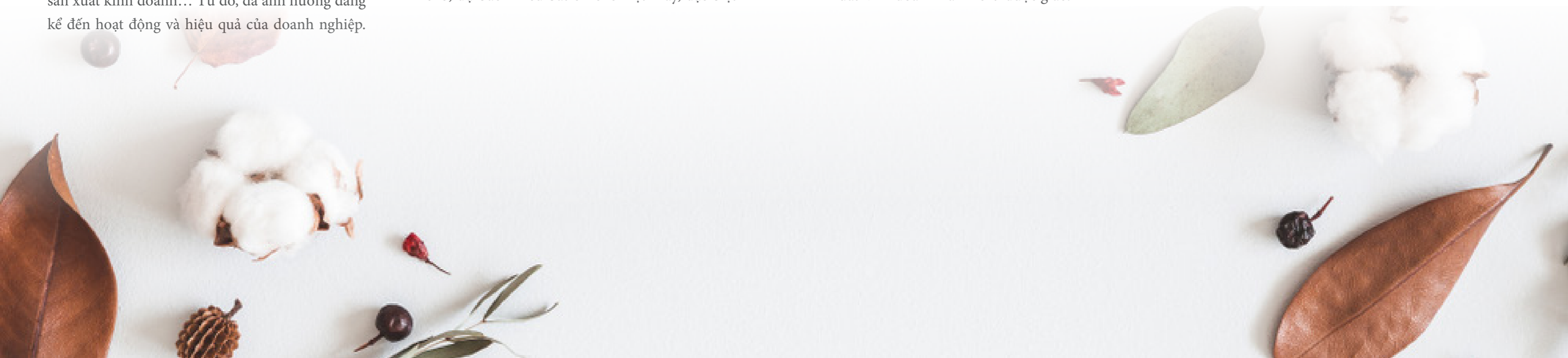
Với thông điệp “**Vượt qua thử thách, mạnh mẽ đi lên**” (“**Overcome challenges, strongly go up**”) cho hành động; phát huy thành tích xuất sắc đã đạt được; kiên trì mục tiêu vì lợi ích cao nhất cho sự tồn tại và phát triển Công ty, chăm lo đời sống người lao động, đem lại lợi ích nhiều hơn cho cổ đông và chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng, xã hội... Cùng với sức mạnh của đội ngũ lao động ngày càng tăng cao, Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng Tập thể cán bộ công nhân viên sẽ tiếp tục hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 được giao.

Hội đồng Quản trị cam kết luôn đồng hành cùng Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty, nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu năm 2019 do Đại Hội Cổ Đông đề ra, thỏa mãn những kỳ vọng mà nhà đầu tư đã tin tưởng trao cho.

Kính chúc Quý vị **SỨC KHỎE – HẠNH PHÚC – THÀNH CÔNG!**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHAN THỊ HUỆ





MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01 THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ

BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	:	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công
Giấy CN ĐKDN	:	0301446221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 06 năm 2006, thay đổi lần thứ 19 ngày 18 tháng 06 năm 2018.
Vốn điều lệ	:	542.300.550.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	:	542.300.550.000 đồng
Địa chỉ	:	36 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
Website	:	: www.thanhcong.com.vn
Điện thoại	:	(028) 38 153962
Fax	:	(028) 38 152757
Mã cổ phiếu	:	TCM (Sàn giao dịch: HOSE)

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1967 - 1975

Những ngày đầu thành lập

Là một xí nghiệp dệt tư nhân quy mô nhỏ mang tên “Tái Thành Kỹ Nghệ Dệt” với hai ngành sản xuất chính là dệt và nhuộm.

Số lượng lao động 500 người.

Sản phẩm chủ lực: Oxford, Poly Soir, Sanderep ... được tiêu thụ chủ yếu tại thị trường miền Nam và một phần tại Campuchia.

Ổn định và phát triển

2013

2013: Xây dựng nhà máy đan kim mới tại cụm Khu công nghiệp Nhị Xuân.



1976 - 1985

Nỗ lực để tồn tại

Được Nhà nước tiếp quản và đổi tên thành Nhà máy Dệt Thành Công trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp dệt - Bộ Công nghiệp nhẹ.

Đề xuất và thực hiện thành công mô hình xuất khẩu tam giác. Đến năm 1985, Nhà máy đã xuất khẩu được 8,3 triệu mét vải, doanh số đạt 83,6 triệu đồng (tương đương 21 triệu USD).

Là một trong những đơn vị đầu tiên thực hiện thử nghiệm mô hình sản xuất kinh doanh gắn với thị trường, Nhà máy đã có những đóng góp quan trọng vào quá trình đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp, kinh tế đất nước.

2014

Nhận Giấy chứng nhận đầu tư và thành lập Công ty TNHH TC Tower; lần thứ hai vinh dự nhận giải thưởng Trách nhiệm xã hội (CSR) do Chính phủ Việt Nam và Hàn Quốc trao tặng; Top 5 “Doanh nghiệp Dệt May tiêu biểu” do Hiệp hội Dệt May Việt Nam trao tặng; Giải thưởng “Doanh nghiệp có thành tích hoạt động xuất sắc” do Bộ Công thương trao tặng; Top 50 doanh nghiệp có báo cáo thường niên tốt nhất.

1986 - 1992

Đầu tư để phát triển

1986: Tạo ra bước đột phá trong cơ chế sản xuất kinh doanh và đầu tư thông qua việc tự trang bị các máy móc, dây chuyền sản xuất hiện đại theo phương thức tự vay tự trả.

1990: Vinh dự được Nhà nước trao tặng danh hiệu cao quý “Anh hùng lực lượng vũ trang”.

1991: Đổi tên thành Công ty Dệt Thành Công.

1992: Tiếp nhận xí nghiệp sợi Khánh Hội; đầu tư, thay thế toàn bộ thiết bị cũ lạc hậu bằng dây chuyền sản xuất mới hiện đại trị giá gần 4 triệu USD, công suất 2.000 tấn/năm.

2015

2015: Xây dựng nhà máy Thành Công - Vĩnh Long và thành lập Công ty TNHH MTV Thành Công - Vĩnh Long; thành lập Công ty TNHH MTV TC E.Land; Top 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam cùng hệ thống ngành kinh tế; Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam; Giải thưởng Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam do Forbes Việt Nam trao tặng; Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu thành phố Hồ Chí Minh cùng nhiều giải thưởng khác.

1993 - 2005

Đầu tư để phát triển

1986 - 1996: Tổng vốn đầu tư vào khoảng hơn 55 triệu USD, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Từ chỗ sản phẩm chỉ tiêu thụ trong nước, Công ty chuyển sang xuất khẩu đến nhiều quốc gia lớn trên thế giới, đặc biệt thị trường Châu Âu.

1997 - 1999: Tiến hành cải cách toàn diện như đổi mới đội ngũ nhân sự, đổi mới về tác phong và phương pháp làm việc, đổi mới hoạt động kinh doanh tiếp thị cũng như tập trung quản lý chi phí.

2000 - 2002: Vinh dự được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu “Đơn vị anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”.

2016 - 2017

2016: Vận hành Xưởng Đan kim số 4, chủ yếu sản xuất đơn hàng single cài Spandex và Double cài Spandex, chất lượng vải đàn hồi tốt hơn vải thông thường; Tháng 8 kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty; Tháng 10 đầu tư bổ sung 55 máy dệt mới, tăng sản lượng Ngành Dệt thêm 6,6 triệu mét vải dệt/năm

Tăng vốn điều lệ Công ty lên 516.538.290.000 đồng vào tháng 8/2017; Công ty đã thành lập Bộ phận Kinh doanh vải đan nhằm tìm cơ hội đưa các sản phẩm mới nghiên cứu vào kinh doanh; bên cạnh đó Công ty thành lập thêm một bộ phận kinh doanh tập trung khai thác khách hàng từ thị trường Hoa Kỳ và bước đầu đã có những tín hiệu tích cực.

2006 - 2009

Đổi mới để hội nhập và tăng trưởng

2006 - 2009: Tiến hành cổ phần hoá, đổi tên thành Công ty Cổ phần Dệt May Thành Công, sau đó là Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công và niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là TCM. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược nước ngoài là Công ty E-land Asia Holdings Pte. Ltd (Singapore) thuộc tập đoàn E-land Hàn Quốc. Tập đoàn E-land sau đó đã tham gia vào hoạt động quản lý Công ty.

2010-2012

2010: Triển khai ứng dụng các công cụ quản lý tiên tiến, hiện đại như hệ thống Lean trong sản xuất, hệ thống ERP, BSC trong hoạt động quản lý doanh nghiệp; tập trung đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho tương lai thông qua chương trình đào tạo thực tập sinh.

2011: Đầu tư thêm thiết bị cho nhà máy sợi 4, nhà máy đan kim để tăng năng lực sản xuất; mở rộng thị trường xuất khẩu sang Hàn Quốc và gia tăng tỉ lệ đơn hàng FOB; nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dự án TC1.

2012: Triển khai tiếp ERP giai đoạn 2 cho khối sản xuất; kiểm soát chất lượng sản phẩm, chi phí sản xuất và cải tiến hiệu suất thông qua TFT (Task Force Team).

2018

Tăng vốn điều lệ Công ty lên 542.300.550.000 đồng vào tháng 06/2018; tháng 5/2018, Công ty đã thực hiện sáp nhập Công ty TNHH MTV Thành Công - Vĩnh Long và nhận chuyển nhượng dự án Xưởng may Trảng Bàn tại Khu Công nghiệp Trảng Bàn, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH E.Land Việt Nam vào tháng 10/2018 nhằm nâng cao hiệu quả quản lý sản xuất và gia tăng năng lực sản phẩm may; Công ty cũng đã đầu tư thêm máy dệt để tăng năng lực vải dệt thêm 2 triệu mét/năm; bên cạnh đó để nâng cao hiệu quả sản xuất sợi, Công ty đã chuyển đổi một nhà máy sợi chuyên tập trung sản xuất các mặt hàng sợi mới do Phòng Nghiên cứu Phát triển thử nghiệm để đa dạng hóa mặt hàng, phát triển sản phẩm mới nhằm gia tăng giá trị sản phẩm, mở rộng đối tượng khách hàng.

CÁC THÀNH TÍCH, GIẢI THƯỞNG TRONG NĂM



07/02/2018

Chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao 2018 do người tiêu dùng bình chọn

22/11/2018

Bằng khen của Bộ trưởng, chủ nhiệm UB Dân Tộc đã có đóng góp, hỗ trợ tổ chức lễ tuyên dương học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số xuất sắc, tiêu biểu năm 2018.



19/03/2018

Top 100 nhà tuyển dụng được yêu thích nhất Việt Nam



22/11/2018

Chứng nhận nhà tài trợ cho chương trình lễ tuyên dương học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số xuất sắc, tiêu biểu năm 2018

01/09/2018

Chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao 2018 do người tiêu dùng bình chọn



08/12/2018

Bằng khen vì môi trường xanh quốc gia



13/10/2018

Doanh nghiệp Tp.Hồ Chí Minh tiêu biểu 2018 do UBND TP.HCM và Hiệp Hội Doanh Nghiệp TP.HCM trao tặng

23/12/2018

Top 10 Sản Phẩm Chất Lượng Cao Được Người Việt Tin Dùng năm 2018 do Trung tâm bảo vệ người tiêu dùng chứng nhận



25/10/2018

Top 500 DN lợi nhuận tốt nhất VN năm 2018

20/11/2018

Doanh nghiệp Bền vững năm 2018



23/12/2018

Top 10 Thương Hiệu Nổi Tiếng Đất Việt năm 2018 dành cho Thương hiệu TCM do Trung tâm bảo vệ người tiêu dùng trao tặng.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



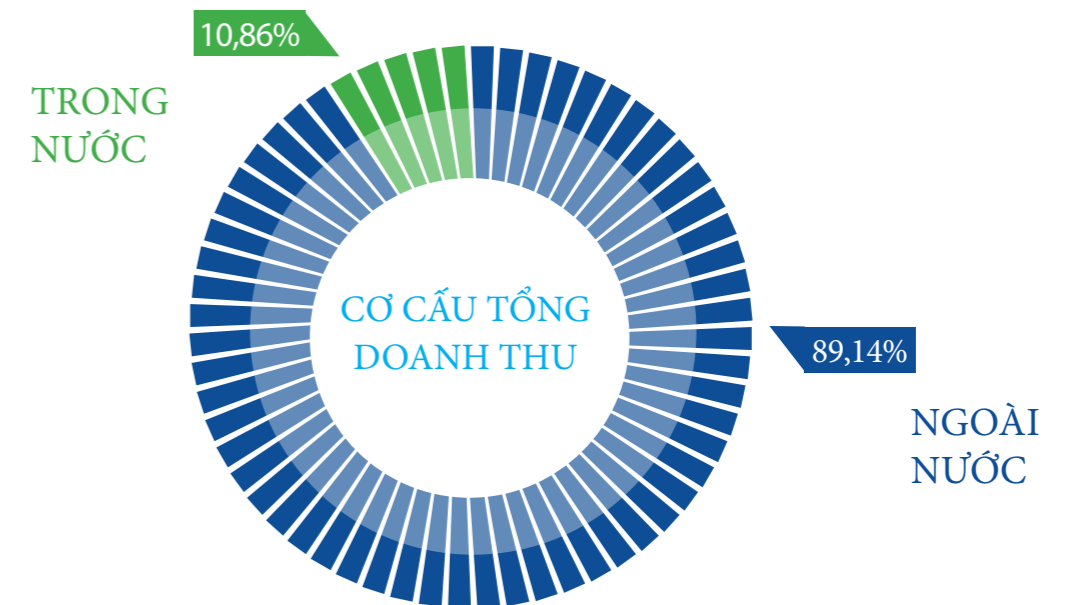
Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, vật tư, hoá chất (trừ các hoá chất độc hại), thuốc nhuộm, bao bì;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại: thịt và các sản phẩm thịt; thủy sản; rau, quả; sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; đồ uống; thực phẩm khác (trừ lúa, gạo, đường); môi giới thương mại; uỷ thác mua bán hàng hoá; đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng – công nghiệp; tư vấn xây dựng (không bao gồm: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, kỹ sư hoạt động xây dựng, kiến trúc sư hoạt động xây dựng);
- Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự; nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.

Địa bàn kinh doanh

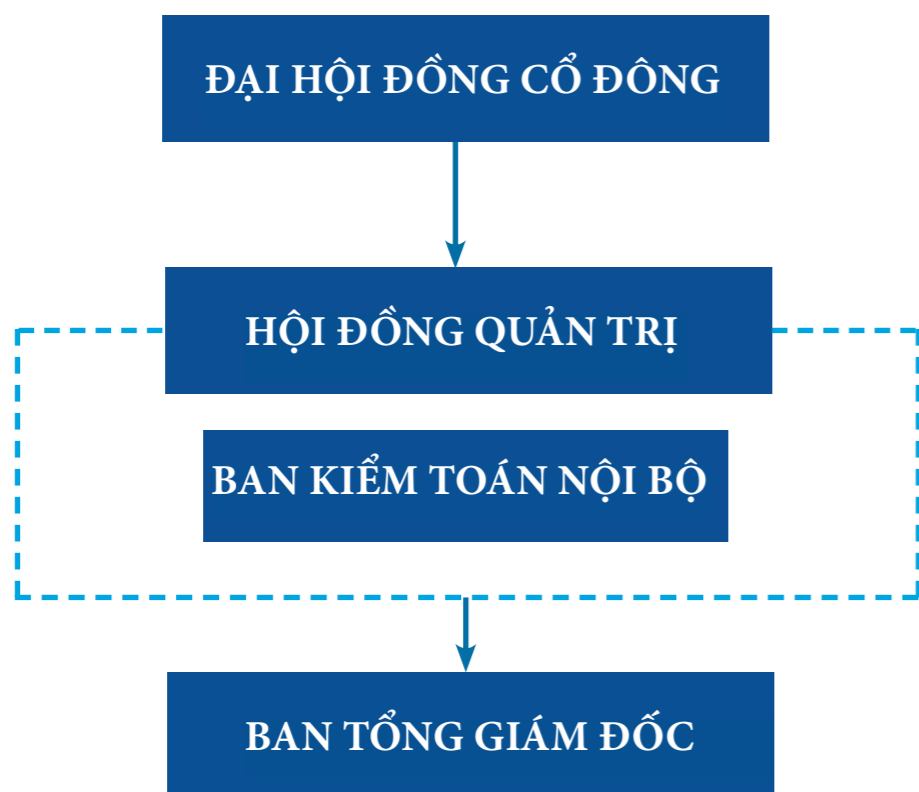


Công ty chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu, Hàn Quốc và Trung Quốc.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị



Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

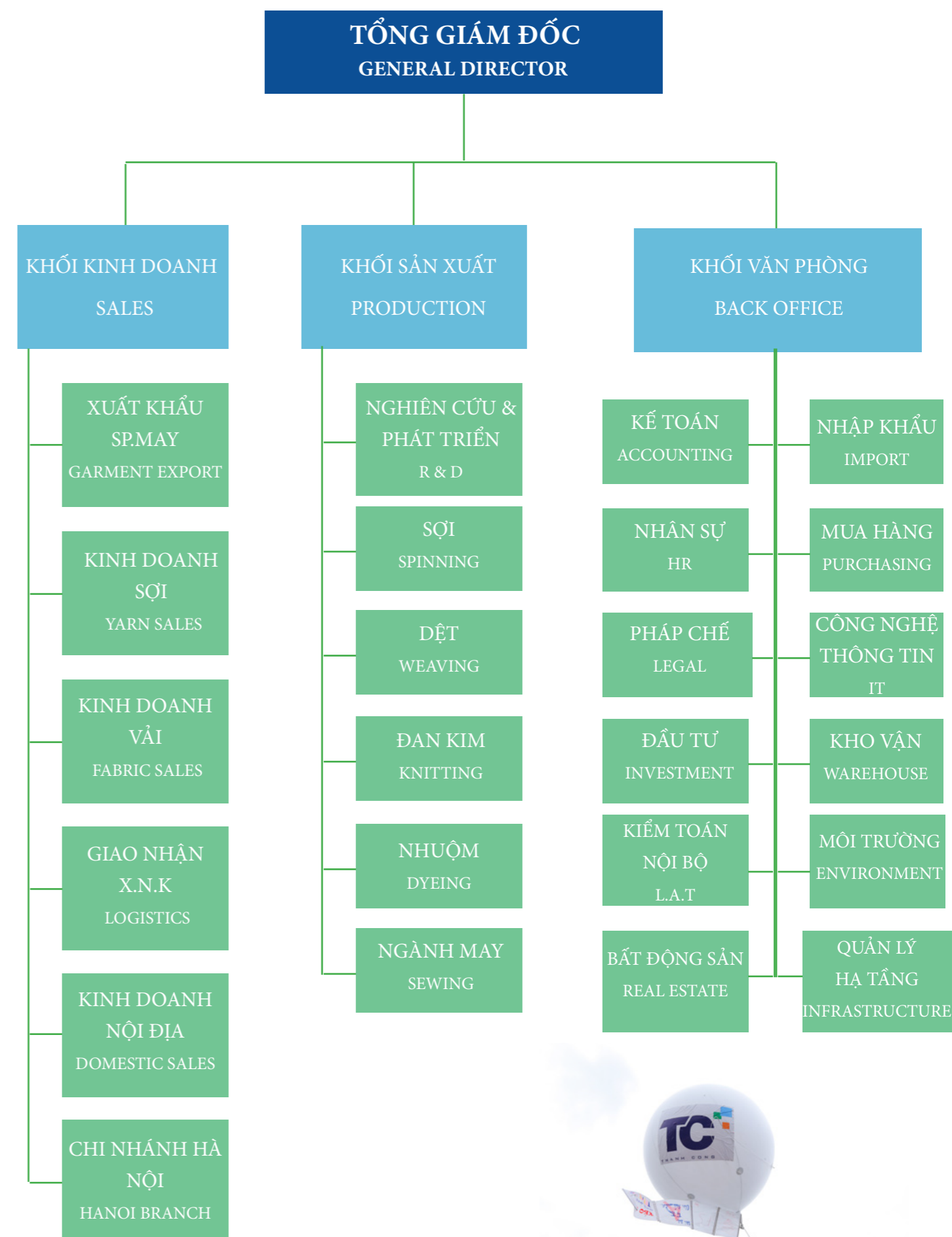
Hội đồng quản trị (HDQT): Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Ban Tổng giám đốc (BTGD): Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HDQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát hiện hành đã kết thúc ngày 06/04/2018 theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/04/2018 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 về việc thay đổi mô hình quản trị của Công ty.

Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HDQT: Hỗ trợ HDQT trong việc thực hiện các trách nhiệm giám sát của mình đối với quy trình báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ, quy trình kiểm toán và quy trình của Công ty trong việc giám sát tuân thủ các quy định của pháp luật và quy tắc đạo đức.

Bộ máy quản lý



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Các công ty con



Ngày 12/09/2018, HĐQT TCM quyết định giải thể Công ty cổ phần Thành Quang theo Quyết định số 9A/2018/QĐ-HĐQT. Ngày 19/03/2019, Thành Quang đã hoàn tất thủ tục giải thể và chấm dứt tồn tại theo Thông báo của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An.

Công ty TNHH MTV TC Eland đã hoàn tất thủ tục giải thể và chấm dứt tồn tại từ ngày 16/11/2018 theo Thông báo của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH MTV Thành Công Vĩnh Long đã sáp nhập vào TCM và chấm dứt sự tồn tại theo thông báo ngày 21/05/2018 của Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Long.

CTCP TRUNG TÂM Y KHOA THÀNH CÔNG

Địa chỉ	36 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	(84.28) 38159435
Fax	(84.28) 38159465
Website	www.thanhconclinic.com
Email	Info@thanhconclinic.com
Vốn điều lệ	21.700.000.000 đồng
Vốn TCM góp	15.395.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của TCM	70,94%
Ngành nghề kinh doanh chính	Cung cấp dịch vụ y tế (khám chữa bệnh), mua bán dược phẩm và trang thiết bị y tế

CTCP THÀNH QUANG

Địa chỉ	Ấp Đức Hạnh, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An
Vốn điều lệ	38.195.950.000 đồng
Vốn TCM góp	37.645.950.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của TCM	98,56%
Ngành nghề kinh doanh chính	Kinh doanh hạ tầng cơ sở, sản xuất và mua bán vải sợi

CÔNG TY TNHH TC TOWER

Địa chỉ	37 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	159.150.000.000 đồng
Vốn TCM góp	127.320.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của TCM	85,53%
Ngành nghề kinh doanh chính	Hoạt động kinh doanh bất động sản

Các công ty liên kết

CTCP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÀNH PHÚC

Địa chỉ	36 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	7.000.000.000 đồng
Vốn TCM góp	1.665.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của TCM	23,79%
Ngành nghề kinh doanh chính	Xây dựng và quản lý dự án.

CTCP DU LỊCH GOLF VŨNG TÀU

Địa chỉ	Số 1 Nguyễn Du, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Vốn điều lệ	29.000.000.000 đồng
Vốn TCM góp	8.700.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của TCM	30%
Ngành nghề kinh doanh chính	Cung cấp dịch vụ du lịch và giải trí

CTCP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XNK SAVIMEX

Địa chỉ	194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	132.798.860.000 đồng
Vốn TCM góp	27.117.527.212 đồng
Tỷ lệ sở hữu của TCM	20,42%
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất và kinh doanh chế biến đồ gỗ

Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công không còn là công ty liên kết của TCM kể từ ngày 22/6/2018 do TCM đã thực hiện chuyển nhượng toàn cổ số lượng cổ phần chiếm 24,75% tổng vốn điều lệ trong Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công căn cứ nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐQT ngày 25/10/2017 của HĐQT TCM.

Các mục tiêu chủ yếu

Với tham vọng đưa TCM trở thành công ty dệt may số một toàn cầu, Công ty xác định định hướng hoạt động như sau:

- Tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi dệt - may: nâng cao năng lực sản xuất; đa dạng hóa sản phẩm chính: sợi, vải, sản phẩm may; nâng cao chất lượng sản phẩm; cải tiến tốc độ giao hàng; quản lý chi phí sản xuất; đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới; đào tạo và phát triển lực lượng nhân sự kế thừa.
- Khai thác quỹ đất hiện có để phát triển dự án bất động sản nhằm tăng hiệu quả hoạt động của Công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty đang tập trung thực hiện chiến lược tăng trưởng như sau:

Trong trung hạn: Tối ưu hoá qui trình sản xuất khép kín hiện nay thông qua việc nâng cao năng lực sản xuất, cải tiến tốc độ và hiệu quả quản lý sản xuất bằng các phương pháp, kỹ thuật tiên tiến. Công ty sẽ tập trung vào năng lực sản xuất may và dệt, hoàn thiện hơn nữa quy trình từ sợi đến vải đến sản phẩm may mặc. Đồng thời, Công ty sẽ phát triển thêm sản phẩm sử dụng sợi nhân tạo bên cạnh sợi cotton truyền thống. Công ty sẽ tập trung chuẩn bị để tận dụng được các cơ hội đến từ FTAs với EU và CPTPP với yêu cầu xuất xứ “từ vải trở đi” hoặc “từ sợi trở đi”.

Về dài hạn: Bằng việc phát huy lợi thế của hệ thống sản xuất khép kín, Công ty sẽ

chuyển sang sản xuất các sản phẩm thời trang với kỳ vọng sẽ gia tăng giá trị cao hơn sản phẩm truyền thống. Cải tiến năng lực nghiên cứu và phát triển hiện nay để đáp ứng yêu cầu thiết kế và phát triển các mặt hàng mới đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng. Năm 2019, Công ty đã lên kế hoạch tiếp cận và phát triển thị trường Canada, Úc ... thông qua việc tổ chức lại nguồn nhân lực kinh doanh xuất khẩu, phát triển các nhóm khai thác đơn hàng từ thị trường các nước thành viên CPT-PP. Đồng thời, TCM đang tiếp tục phát triển thêm thị trường EU với kỳ vọng chuẩn bị trước để khai thác lợi thế của hiệp định EVFTA dự kiến ký kết vào cuối năm 2019.

Phát triển các dự án bất động sản: ngay khi xuất hiện cơ hội đầu tư.

Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Tập trung và đầu tư thích đáng cho hoạt động Nghiên cứu & Phát triển (R&D) nhằm đón đầu xu hướng thị trường và gia tăng lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ hoạt động trong ngành.
- Tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Công ty;
- Chăm sóc đời sống tinh thần, thực hiện tốt và ngày càng gia tăng chế độ phúc lợi thông qua việc đa dạng hóa các hình thức mang lại phúc lợi cho người lao động Công ty; tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nhằm phát triển nguồn nhân lực đặc biệt thế hệ kế thừa cho

chiến lược phát triển Công ty;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức đoàn thể, chính trị, xã hội tại Công ty như: Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên;

- Các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng thực hiện trên nguyên tắc thường xuyên, lâu dài và trực tiếp;

- Hỗ trợ, đồng hành cùng các hoàn cảnh khó khăn của cư dân địa phương nơi Công ty có cơ sở trú đóng bằng các đóng góp, tài trợ cho các hoạt động do chính quyền địa phương, cơ quan hữu quan phát động; cấp học bổng cho con em các gia đình khó khăn ở địa phương.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Năm 2018, cùng với tình hình chung của thế giới, các doanh nghiệp Việt Nam đối mặt với nhiều biến động về môi trường kinh tế, chính trị, xã hội. Việc đạt được các mục tiêu đặt ra của các công ty cũng vì vậy mà gặp nhiều khó khăn, thách thức. Đối với TCM, để đảm bảo đạt được những mục tiêu chiến lược đã đề ra, hoạt động quản lý rủi ro càng được chú trọng, cải tiến liên tục và triển khai trên toàn Công ty, các rủi ro được theo dõi thường xuyên, đánh giá định kỳ. Nhiệm vụ chính của quản lý rủi ro là nhận diện được các rủi ro tiềm ẩn, phát hiện những yếu tố ảnh hưởng theo hướng tích cực hay tiêu cực đến việc thực hiện mục tiêu, đưa ra những giải pháp để giúp Công ty đưa ra những quyết định hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu.

RỦI RO KINH TẾ

Nền kinh tế toàn cầu đang trên đà tăng trưởng nhanh nhất kể từ năm 2011 cho đến những năm gần đây. Cùng với bức tranh kinh tế toàn cầu khởi sắc trong năm 2017, thì năm 2018 có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn so với 2017 nhưng không nhiều. Cụ thể, tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2018 ước tính tăng 3,7%, cao hơn 0,1% so với năm 2017.

Theo Công bố báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019 dự kiến đạt 3,5%, giảm 0,2% so với năm nay. Nguyên nhân có sự sụt giảm này là do tình hình căng thẳng thương mại diễn ra giữa Trung Quốc và Mỹ. Cụ thể, với từng nước, Trung Quốc đạt mức tăng trưởng 6,6% năm 2018, dự báo đạt 6,3% năm 2019 do hoạt động xuất khẩu và đầu tư vào cơ sở hạ tầng giảm. Nhật Bản đạt mức tăng trưởng 0,9% trong năm nay, và dự báo 1% năm 2019 trong bối cảnh kế hoạch tăng thuế tiêu dùng của Chính phủ nước này (có hiệu lực từ tháng 10/2019) có khả năng tác động mạnh đến nhu cầu tiêu dùng

của người dân. Tăng trưởng kinh tế Mỹ lần lượt ở mức 2,9%, dự báo 2,7% cho năm 2019 khi chính sách cải cách thuế mới đây của Tổng thống Donald Trump hỗ trợ khá tốt cho việc thúc đẩy đầu tư của doanh nghiệp.

Nhìn chung, kinh tế thế giới đã có sự duy trì tăng trưởng tốt trong nửa đầu năm 2018, tuy nhiên sự xuất hiện cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đã ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) ngày 09/10/2018 đưa ra báo cáo tốc độ của nền kinh tế thế giới đang có dấu hiệu chững lại, đồng thời hạ dự báo tăng trưởng lần đầu tiên trong hơn 2 năm; nguyên nhân đến từ chiến tranh thương mại leo thang cùng với sức ép thị trường mới nổi.

Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc khiến quá trình lưu thông hàng hóa, tiền tệ thế giới có sự chuyển dịch. Các đơn hàng về gia công xuất khẩu có xu hướng chuyển về khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên bất kể cuộc chiến tranh thương mại

nào cũng sẽ làm tổn thương nền kinh tế của các bên tham gia. Trong khi Trung Quốc là đối tác xuất khẩu sợi phục vụ Ngành Dệt May cho Việt Nam thì Mỹ lại là đối tác mà Việt Nam ngày càng gia tăng xuất khẩu. Vì thế tình hình căng thẳng giữa hai nước tiềm ẩn nhiều rủi ro cho Việt Nam.

Đối với tình hình kinh tế trong nước, theo số liệu của Tổng cục thống kê năm 2018 tăng trưởng GDP Việt Nam đạt 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%. Quy mô nền kinh tế năm 2018 theo giá hiện hành đạt 5.535,3 nghìn tỷ đồng; GDP bình quân đầu người ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017. Năm 2018, mặc dù với biến động kinh tế lớn trên thế giới, thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm nhưng Kinh tế Việt Nam năm 2018 vẫn đạt được thành tựu như trên là điều rất đáng khích lệ.

Với đặc điểm hoạt động kinh doanh, Dệt May Thành Công phụ thuộc rất lớn vào sự phát triển kinh tế thế giới cũng như Việt Nam. Do đó, Công ty luôn cố gắng hiểu rõ thách thức mà nền kinh tế đặt ra, chuyển hoá thách thức thành cơ hội để phát triển ổn định, bền vững. Ngoài việc đầu tư máy móc thiết bị, công tác quản lý doanh nghiệp, Công ty nắm vững xu hướng chuyển dịch Ngành Dệt May toàn cầu, am hiểu về Hiệp định tự do Thương mại để từ đó tận dụng cơ hội tốt hơn.



RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Nguồn cung lao động



Ngành Dệt May là ngành có số lượng doanh nghiệp lớn và mức độ sử dụng lao động cao đặc biệt là ở mảng may; không yêu cầu đầu tư lớn về công nghệ hiện đại. Do đó, rào cản công nghệ và vốn không quá cao. Tuy nhiên, vì thị trường xuất khẩu của Ngành Dệt May Việt Nam đòi hỏi các yêu cầu khắt khe nên chất lượng lao động ổn định được đặt lên hàng đầu, đối với các nước đang phát triển có nguồn nhân công rẻ nhưng tay nghề lại chưa cao nên tạo ra khó khăn cho các công ty, ngoài ra nếu đảm bảo được nhân lực thì công ty lại phải đối mặt với thách thức khi nhân công bị thu hút bởi các công ty đối thủ hay các doanh nghiệp dệt may có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

Các doanh nghiệp FDI có lợi thế nguồn vốn dồi dào, trả lương nhân công cao hơn, đời sống người lao động sẽ phát triển hơn. Ngoài ra, hiện nay nguồn lao động Việt Nam đã qua thời kỳ “Cơ cấu dân số vàng”.



Nguồn: TCM

Để duy trì người lao động tại Dệt May Thành Công, Công ty đã nỗ lực nâng cao chính sách đãi ngộ, lương thưởng, phúc lợi, đồng thời được sự đồng hành, hỗ trợ rất tích cực của các cấp Công đoàn cũng là một yếu tố góp phần ổn định nguồn lao động tại Công ty. Ngoài ra, đại bộ phận người lao động của TCM đều là những người làm việc lâu năm tại Công ty nên rủi ro biến động lao động thấp.

Nguyên vật liệu

Hầu hết nguồn nguyên liệu tại thị trường Việt Nam là nguyên liệu nhập khẩu do nguồn cung trong nước không đủ nguồn cung ứng và/hoặc không đáp ứng được chất lượng. Việc nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào làm giảm lợi thế cạnh tranh sản xuất hàng may mặc. Cụ thể Công ty sẽ chịu ảnh hưởng không nhỏ từ sự biến động giá nguyên liệu, ngoài ra thời gian sản xuất cũng là yếu tố tác động quan trọng, Việt Nam đa số nhập khẩu nguyên vật liệu từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan nên thời gian sản xuất bị kéo dài so với Trung Quốc và Ấn Độ là nơi có thể chủ động nguyên vật liệu đầu vào, theo đó, thời gian nhập nguyên vật liệu là 10 - 20 ngày.



Đồng thời, để chuẩn bị cho đội ngũ nhân lực kế cận, từ năm 2010 TCM đã thực hiện chương trình quản trị viên tập sự bằng cách tuyển dụng sinh viên năm cuối có thành tích học tập tốt từ các trường đại học, cao đẳng có chuyên ngành liên quan đến hoạt động của Công ty nhằm đào tạo và phát triển từ kinh nghiệm, kỹ năng đến tri thức, đây sẽ là nguồn nhân lực nền tảng cho sự phát triển dài hạn của Công ty.

Việc này ảnh hưởng tới quyết định đặt hàng của khách quốc tế, vì họ sẽ ưu tiên tìm đến nơi xử lý được đơn hàng nhanh nhất.

Để giảm thiểu rủi ro, Công ty chủ động sản xuất nguyên vật liệu trong nước và thay đổi được phương thức xử lý các đơn hàng, đầu tư vào nghiên cứu sản xuất và hoàn thiện cung ứng chuỗi giá trị của Ngành Dệt May. Tăng cường công tác quản lý hàng tồn kho, áp dụng hệ thống quản trị doanh nghiệp – ERP theo dõi các nguồn lực doanh nghiệp để có hướng xử lý phân bổ và sử dụng hiệu quả.

RỦI RO LUẬT PHÁP

Hệ thống pháp luật chung tại Việt Nam

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan; bên cạnh đó, với tư cách là một doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, điều đó yêu cầu Công ty cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này.

Khung pháp lý riêng đối với Ngành Dệt May

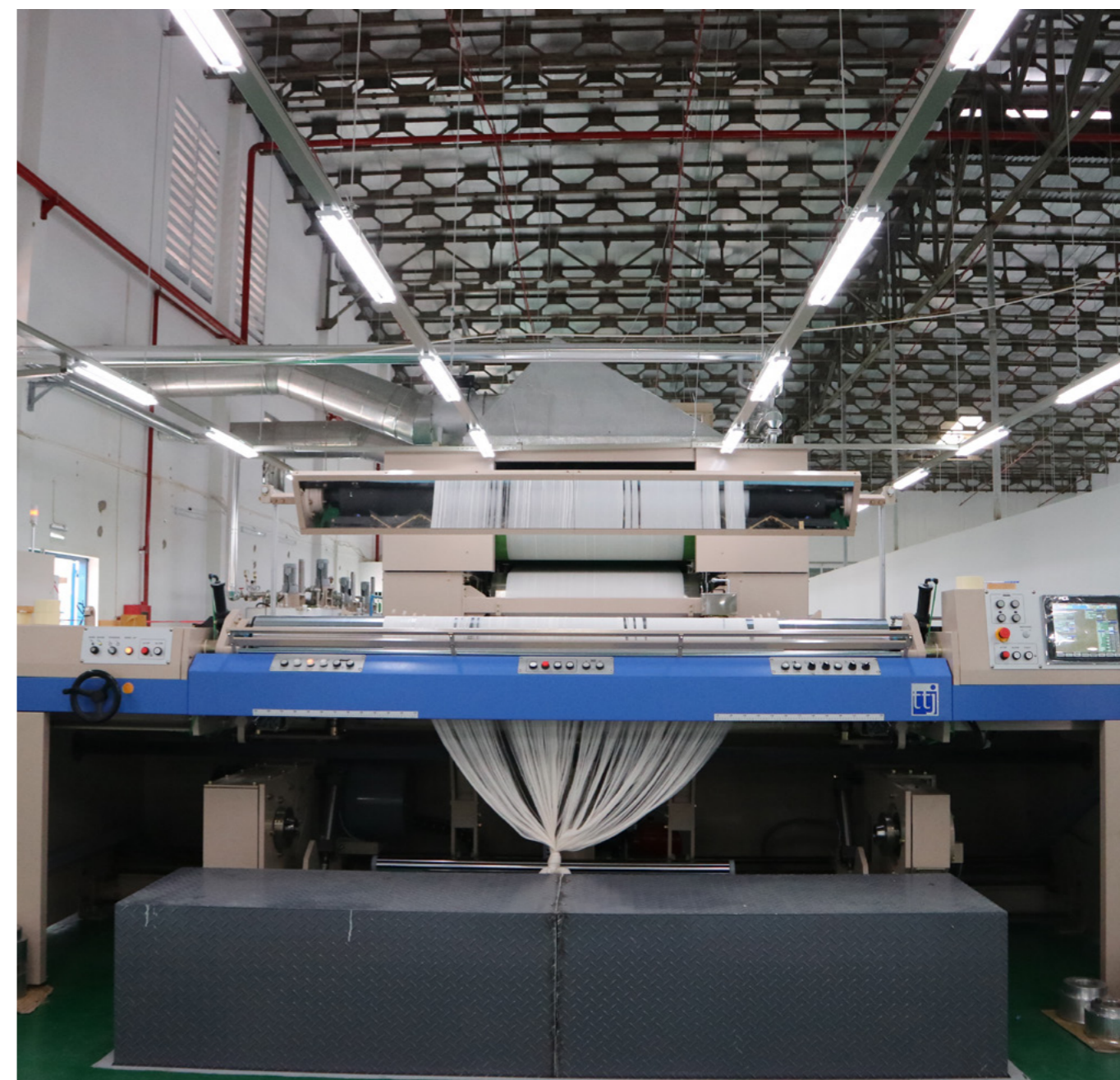
Bên cạnh khung pháp lý chung, Công ty còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù của Ngành Dệt May. Trong đó, một số khung pháp lý có tầm ảnh hưởng lớn như:

Bên cạnh các chính sách ưu đãi, Ngành Dệt May chịu sự điều chỉnh nghiêm ngặt bởi các quy định về bảo vệ môi trường, các quy chuẩn về nước thải công nghiệp, nước thải dệt may, hay vấn đề sử dụng lao động. Đặc biệt, trong năm 2014, Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến 2020, tầm nhìn đến 2030, theo đó, việc phát triển Ngành Dệt May phải gắn liền với việc lựa chọn công nghệ phù hợp, đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời hạn chế tác động, gây ô nhiễm môi trường. Như vậy, xu hướng sự điều chỉnh, giám sát của hệ thống pháp lý Việt Nam đang dần trở nên khắt khe, chặt chẽ hơn. Do Công ty kinh doanh đầy đủ các mảng trong chuỗi sản xuất của Ngành Dệt May bao gồm sợi, dệt, nhuộm, may mặc nên Công ty cũng phải chú ý hơn trong việc đáp ứng các đòi hỏi mà khung pháp lý đưa ra.

Đối với quốc tế, khi nền kinh tế Việt Nam đã bắt đầu hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, cơ hội đối với Ngành Dệt May cũng đi kèm với thách thức không hề nhỏ. Do vậy, để đảm bảo nắm bắt cơ hội trong thời gian tới, Công ty cần có sự nghiên cứu và chuẩn bị thật kỹ lưỡng các vấn đề luật pháp để hoạt động kinh doanh của Công ty đạt được hiệu quả cao nhất.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác cũng có thể xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, nhưng lại rất khó để dự báo trước, và một khi đã phát sinh thì thường gây ra thiệt hại lớn cho Công ty cả về người và tài sản. Vì thế, nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, Công ty chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty.





02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TÌNH

HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA

CHỦ SỞ HỮU

CÁC CHỈ TIÊU BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Nền kinh tế thế giới năm 2018 chứng kiến chiến tranh thương mại diễn ra giữa các nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới, mặc dù kinh tế thế giới 2018 vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao nối tiếp 2017, tuy nhiên nếu tiếp tục chiến tranh này càng về lâu thì nền kinh tế sẽ có dấu hiệu chững lại, làm cho các dự báo đi chệch hướng.

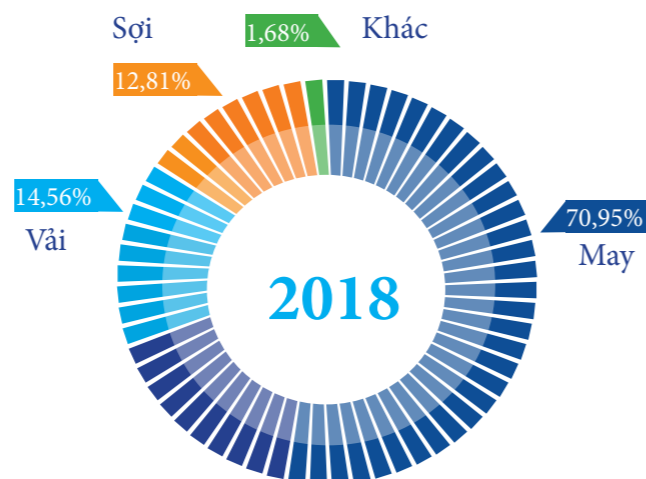


Mặc dù tồn tại biến động trong tăng trưởng của kinh tế thế giới, năm 2018 là một năm tích cực đối với nền kinh tế của Việt Nam khi chứng kiến sự tăng trưởng ấn tượng, cao nhất trong 10 năm qua khi Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) cả năm đạt 7,08% vượt mục tiêu Quốc Hội đề ra. Cùng với sự tăng trưởng ngoạn mục trên, lạm phát năm nay tăng thấp hơn mục tiêu Quốc Hội đề ra, lạm phát cơ bản duy trì dưới mức 2%. CPI bình quân năm tăng 3,54% so với bình quân 2017. Đây là năm thứ năm liên tiếp lạm phát duy trì ở mức thấp dưới 5% và cho thấy nền tảng của ổn định vĩ mô đang được thiết lập rõ nét.

Năm 2018 là một năm tích cực của Ngành Dệt May Việt Nam khi hoạt động xuất khẩu đạt được mức tăng trưởng vượt bậc. Nhờ cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, mà Việt Nam được hưởng lợi các đơn hàng dịch chuyển từ Trung Quốc; đồng thời việc đồng tiền Nhân dân tệ mất giá so với VND giúp các doanh nghiệp nhập được vải và các nguyên phụ liệu dệt may với giá rẻ hơn. Tuy nhiên, khó khăn lại đến từ sự gia tăng không ngừng chi phí đầu vào cũng như sự xâm nhập của Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã đến gần, tạo sức ép giảm giá và đào thải những doanh nghiệp không theo kịp đà phát triển.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

	Doanh thu (đồng)	Tỉ trọng doanh thu
Sợi	469.184.202.166	12,81%
Vải	533.293.928.133	14,56%
May	2.598.082.996.323	70,95%
Khác	61.449.591.565	1,68%
Tổng cộng	3.662.010.718.187	100,00%



Năm 2018, Nhà máy Thành Công - Vĩnh Long đã cải thiện được năng suất lao động do nhân công thời điểm này đã tương đối thạo việc và trình độ cũng được nâng cao. Công ty gia tăng chuyển nhiều đơn hàng đơn giản từ nhà máy tại thành phố Hồ Chí Minh vào nhà máy Thành Công - Vĩnh Long giúp tăng lợi nhuận, đồng thời tận dụng nguồn lao động trẻ tại đây.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	TH 2018/TH 2017
1	Doanh thu thuần	3.209.071	3.662.011	114,11%
2	Giá vốn hàng bán	2.706.189	2.983.240	110,24%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	26.019	31.910	122,64%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	331.246	463.310	139,87%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	192.894	248.472	128,81%
6	Lợi nhuận khác	42.257	74.957	177,38%
7	Lợi nhuận trước thuế	235.151	323.429	137,54%
8	Lợi nhuận sau thuế	192.616	260.436	135,21%
9	Lợi nhuận trên giá cổ phiếu	3.011	4.069	135,14%

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2018	TH 2018/KH 2018
1	Doanh thu thuần	3.662.010,72	3.166.105,20	115,66%
2	Lợi nhuận sau thuế	260.435,64	189.454,20	137,47%

Doanh thu thuần năm 2018 đạt 115,66% so với kế hoạch đã đề ra tại ĐHCĐ thường niên năm 2018, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng tốt, vượt 137,47 % so với kế hoạch đề ra. Có sự tăng trưởng tốt như vậy là nhờ vào việc Công ty đã cải thiện năng suất lao động tại các nhà máy. Trong năm, Công ty cũng đã quyết định giải thể các nhà máy thua lỗ cụ thể ở các nhà máy sợi, giúp khắc phục các khoản lỗ. Đồng thời Công ty có khoản thu nhập từ giao dịch mua rẻ cổ phiếu Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex với số tiền 27 tỷ đồng và có khoản lãi từ thanh lý bất động sản từ công ty con với số tiền 23,8 tỷ đồng.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên Ban điều hành

Ông Lee Eun Hong Tổng Giám đốc



Giới tính: Nam

Năm sinh: 1961

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện – Cử nhân quản lý doanh nghiệp

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 24.000 cổ phần

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu cho E-land Asia Holdings Pte., Ltd: 23.451.054 cổ phần, chiếm 43,24% vốn điều lệ.

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty E-Land Asia Holdings Pte., Ltd

Quá trình công tác

- Từ 03/2018 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP Dệt may- Đầu tư- Thương mại Thành Công kiêm Thành viên HĐQT

- Từ 12/2017 - 03/2018: Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công

- Từ 4/2015 - 2017: Thành viên HĐQT Công ty CP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công

- Từ 2009 - 3/2015: Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT Công ty CP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công

- Từ 2006 - 2009: Giám đốc chiến lược - Tập đoàn E-Land Korea, Hàn Quốc

- Từ 1996 - 2005: Công ty E-Land Srilanka, Srilanka

- Từ 1993 - 1995: Công ty E-Land Việt Nam, Việt Nam

- Từ 1990 - 1993: Tập đoàn E- Land (E-Land World), Hàn Quốc

Bà Nguyễn Minh Hào Kế toán trưởng



Giới tính: Nữ

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tài chính - Đại học Columbia Southern - Hoa Kỳ (2009)

- Cử nhân Anh văn - Đại học Quy Nhơn (2003)

- Cử nhân Tín dụng và Kế toán - Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (1994)

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: không

Quá trình công tác

- Từ 2010 đến nay: Kế toán trưởng kiêm thành viên HĐQT Công ty CP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công

- Từ 6/2009 đến 12/2009: Trưởng phòng Đầu tư Công ty CP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công

- Từ 9/1995 đến 5/2009 : Kế toán trưởng – Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn, Việt Nam

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi trong Ban Tổng giám đốc

Từ ngày 14/03/2018, Ông Kim Dong Ju hết nhiệm kỳ chức vụ Tổng giám đốc của Công ty; ông Lee Eun Hong được bổ nhiệm thay thế;

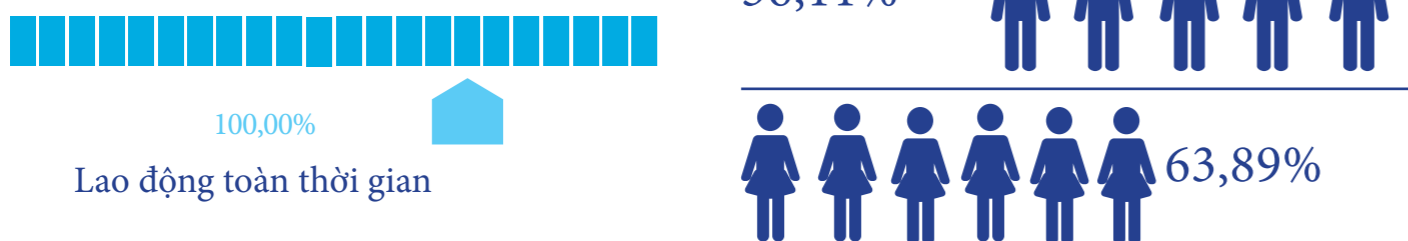
Từ ngày 03/07/2018, Ông Lee Dong Seok nộp đơn từ nhiệm chức Phó Tổng giám đốc của Công ty theo nguyện vọng cá nhân.

Cơ cấu lao động

Tính đến 31/12/2018, tổng số lao động của Công ty là 7.330 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	381	5,20%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	395	5,39%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	545	7,44%
4	Lao động phổ thông	6.009	81,98%
II	Theo hợp đồng lao động		
1	Toàn thời gian	7.330	100,00%
2	Bán thời gian	0	0,00%
III	Theo giới tính		
1	Nam	2.647	36,11%
2	Nữ	4.683	63,89%
Tổng cộng		7.330	100,00%

Tỷ lệ theo hợp đồng lao động



Tỷ lệ theo trình độ lao động



Một số chính sách đối với người lao động

Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng, việc xây dựng một chế độ làm việc hợp lý là bước đầu tiên và cơ bản trong chuỗi chính sách nhằm tạo ra môi trường làm việc lành mạnh, tạo tâm lý thoải mái cho người lao động, từ đó giúp nâng cao hiệu quả làm việc cũng như sự gắn bó lâu dài với Công ty.

Chế độ việc làm:

Công ty đề ra những tiêu chí rõ ràng về thời gian và điều kiện làm việc đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho CBCNV. Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội như: ký hợp đồng lao động, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ lễ, phép, việc riêng; trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm; các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; kỷ luật lao động; chính sách đối với lao động nữ; an toàn – bảo hộ lao động.

Về điều kiện làm việc:

Người lao động được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, được cấp phát những dụng cụ làm việc, máy móc, thiết bị cần thiết đảm bảo chất lượng theo quy định; đảm bảo điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các chế độ phúc lợi khác:

- Thưởng các dịp Lễ, lương tháng 13, thưởng thành tích cuối năm
- Tiền ăn giữa ca
- Bồi dưỡng hiện vật tại chỗ
- Khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp hằng năm, khám phụ khoa
- Đồng phục và bảo hộ lao động
- Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế, trợ cấp gửi con nhà trẻ; chế độ nghỉ mát hằng năm; chế độ công tác phí; xe đưa rước công nhân đi làm việc, trợ cấp tiền xăng,...
- Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tinh thần khác do Công đoàn, Đoàn Thanh niên tổ chức nhân các ngày lễ, các dịp kỷ niệm trong năm như: Quốc tế phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Ngày thành lập Công ty 16/8, năm mới,...



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách đào tạo, tuyển dụng và thu hút nhân tài



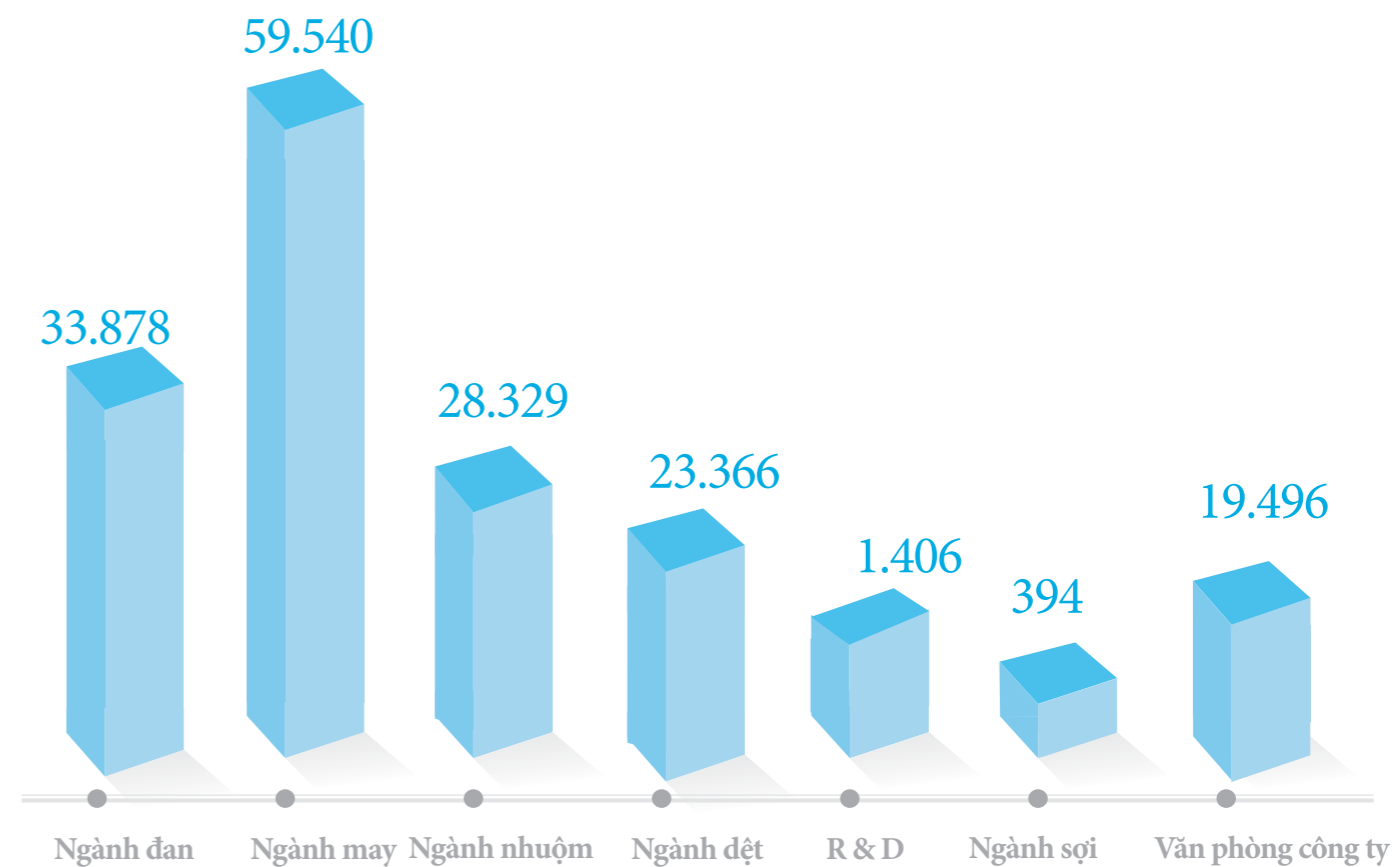
Trong một thị trường mà tính cạnh tranh ngày một cao, yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm của Công ty cũng theo đó ngày một tăng lên, việc tuyển dụng được những người lao động có năng lực, tay nghề và kinh nghiệm là cực kỳ quan trọng. Xác định rõ điều này, Công ty đã đề ra những tiêu chuẩn rõ ràng đối với từng vị trí, chức vụ theo yêu cầu công việc. Yêu cầu cơ bản nhất đối với người lao động trong Công ty là có trình độ chuyên môn, sự chủ động, sáng tạo và nhiệt tình trong công việc. Tùy vào mức độ quan trọng của từng vị trí tuyển dụng mà yêu cầu đối với ứng viên sẽ khác nhau. Đối với cán bộ quản lý điều hành, các yêu cầu tuyển dụng sẽ khắt khe hơn, bao gồm trình độ chuyên môn

nghiệp vụ từ đại học trở lên, kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, dự báo, thuyết trình, đánh giá công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học. Ngoài ra, Công ty có chính sách chủ động tìm kiếm và thu hút nhân tài, đồng thời ban hành phương án lương thưởng đặc biệt cho những nhân viên giỏi, xuất sắc, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan nhằm tăng cường sự gắn bó của họ đối với Công ty.

Bên cạnh việc tập trung thu hút nguồn nhân lực có tay nghề, Công ty có biện pháp chủ động nâng cao mặt bằng CBCNV bằng công tác đào tạo nội bộ, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm, khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các dự án trong năm : Chi phí đầu tư (triệu đồng)



Các khoản đầu tư dài hạn khác

Tính đến 31/12/2018, Công ty vẫn duy trì danh mục đầu tư dài hạn từ các năm trước và không phát sinh giao dịch đầu tư mới.

Đơn vị đầu tư, góp vốn khác	Tổng tiền đầu tư, góp vốn (VNĐ)
CTCP Dệt Việt Thắng	125.000.000
CTCP Dệt May Thăng Lợi	1.576.000.000
CTCP Dệt May Huế	793.000.000
CTCP SY Vina	883.450.000
Ngân hàng CP Ngoại Thương Việt Nam	2.449.600.000

TÌNH HÌNH CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con: Công ty cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2018 so với 2017
Tổng tài sản	Đồng	29.797.349.608	34.408.124.740	115,47%
Tổng doanh thu	Đồng	40.380.659.001	44.924.976.555	111,25%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	3.042.935.221	3.239.692.940	106,47%
Biên LNST	%	8%	7%	95,70%

Công ty liên kết: Công ty cổ phần Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2018 so với 2017
Tổng tài sản	Đồng	493.619.745.516	509.186.762.736	103,15%
Tổng doanh thu	Đồng	556.688.463.507	706.285.698.891	126,87%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	16.291.021.890	18.131.610.209	111,30%
Biên LNST	%	2,93%	2,57%	87,72%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Với ưu thế về uy tín và chất lượng sản phẩm, thương hiệu của Công ty ngày càng được củng cố và nâng cao trong bối cảnh nền kinh tế đang có những bước phục hồi rõ nét. Các dây chuyền sản xuất của Công ty đang dần được đầu tư mới với công nghệ tiên tiến và đảm bảo chất lượng sản phẩm, ngoài ra Công ty đang dần tạo được nhiều sản phẩm mang giá trị cao. Khách hàng truyền thống của Công ty là đối tác đã gắn bó nhiều năm, luôn luôn đảm bảo đơn hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng đẩy mạnh công tác bán hàng, marketing, phát triển mạng lưới khách hàng thường xuyên.



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	Tăng / giảm 2017
1	Tổng tài sản	3.035.382	3.247.326	106,98%
2	Doanh thu thuần	3.209.071	3.662.011	114,11%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	192.894	248.472	128,81%
4	Lợi nhuận khác	42.257	74.957	177,38%
5	Lợi nhuận trước thuế	235.151	323.429	137,54%
6	Lợi nhuận sau thuế	192.616	260.436	135,21%

Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,99	1,11
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,49	0,44
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	64,70%	60,69%
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	183,25%	154,41%
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	3,46	3,01
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	1,1	1,17
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,00%	7,11%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	16,41%	22,18%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,13%	8,29%
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,01%	6,79%



Về khả năng thanh toán:
Nhìn chung Công ty đang dần cải thiện các chỉ tiêu về khả năng thanh toán khi cả hai chỉ tiêu gồm khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh lần lượt đạt 1,11 lần và 0,44 lần. Với hệ số thanh toán như thể hiện ở thời điểm hiện tại, Công ty đã có thể dễ dàng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của mình.

Về cơ cấu vốn: Các chỉ tiêu cơ cấu vốn trong năm 2018 giảm, cụ thể chỉ tiêu Nợ/Tổng tài sản giảm từ 64,07% xuống còn 60,69% và chỉ tiêu Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm khá nhiều từ 183,25% xuống còn 154,41%. Điều này thể hiện việc Công ty chủ động giảm sử dụng đòn bẩy tài chính mặc dù trong năm 2018 tài sản và vốn chủ sở hữu của Công ty đều tăng thêm.

Về năng lực hoạt động:
Năng lực hoạt động của Công ty được duy trì ổn định với vòng quay hàng tồn kho ở mức ~3,01 vòng và vòng quay tài sản ở mức ~1,2 vòng.

Về khả năng sinh lời:
Việc dịch chuyển cơ cấu doanh thu từ mảng sợi sang mảng vải và áo đã giúp các chỉ tiêu khả năng sinh lời cải thiện đáng kể. Ấn tượng nhất là chỉ tiêu Tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE), tăng từ 16,41% lên 22,18%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Số lượng cổ phần: 54.230.055 cổ phần

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

Số cổ phiếu ưu đãi: không có

Số cổ phiếu phổ thông: 54.230.055 cổ phần

Số cổ phiếu quỹ: 100.450 cổ phần

Số cổ phiếu đang lưu hành: 54.129.605 cổ phần

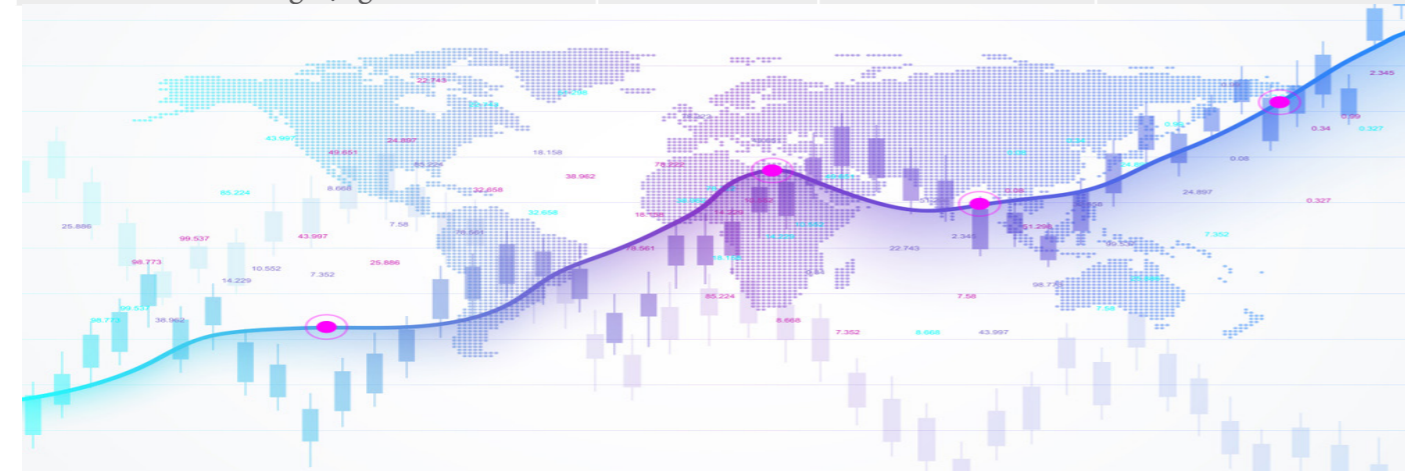
Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 54.230.055 cổ phần

Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần



Cơ cấu cổ đông (cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 27/02/2019)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông trong nước			
	- Tổ chức	81	4.707.743	8,68%
	- Cá nhân	5.942	22.933.149	42,29%
3	Cổ đông nước ngoài			
	- Tổ chức	22	26.318.894	48,53%
	- Cá nhân	81	169.819	0,31%
4	Cổ phiếu quỹ		100.450	0,19%
	Tổng cộng	6.126	54.230.055	100,00%



Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Số đăng ký sở hữu	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/SLCP đang lưu hành CQBQ
Eland Asia Holdings Pte.ltd	0200717117Z	50 RAFFLES PLACE, #11-03B SINGAPORE LAND TOWER SIN- GAPORE 048623	23.451.054	43,32%



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2018, Công ty đã tiến hành phát hành cổ phần để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu của Công ty với tỷ lệ thực hiện 100:5 – Cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được nhận thêm 5 cổ phần mới. Vốn điều lệ của Công ty tăng tương ứng từ 51.653.829 cổ phần lên 54.230.055 cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Tính đến 31/12/2018, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 100.450 cổ phần. Trong năm 2018, Công ty không thực hiện mua/bán cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác: không có.

03 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Môi trường kinh doanh 2018

Năm 2018, môi trường kinh doanh của Việt Nam xếp hạng 69 trên tổng số 190 nền kinh tế được đánh giá, giảm một bậc so với năm 2017; tuy nhiên Việt Nam vẫn được đánh giá là nền kinh tế có nhiều cải cách. Trong năm 2018, Chính phủ Việt Nam tiếp tục thực hiện hàng loạt chính sách thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh, cải cách cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh bằng các cuộc gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với khu vực kinh tế tư nhân. Các Nghị quyết 83/2017/NQ-CP, Nghị quyết 98/2017/NQ-CP về chỉ thị của Chính phủ “tiếp tục rà soát, đánh giá, đề xuất bãi bỏ ít nhất một phần ba đến một nửa số điều kiện kinh doanh hiện hành trong lĩnh vực quản lý và thủ tục hành chính đang gây cản trở, khó khăn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp” tạo cơ hội nhiều hơn cho các doanh nghiệp.

Số liệu công bố của Tổng cục thống kê cho thấy kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ. Kỳ lục tăng trưởng trong 10 năm qua, mức tăng trưởng đạt 7,08% vượt mức dự báo 6,8% trong năm 2018 của tổ chức Ngân

hàng Thế giới. Trong năm qua, sự tăng trưởng của nền kinh tế có đóng góp không nhỏ của khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 13,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2018 tăng nhanh, cả nước có 131.275 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với tổng vốn đăng ký là 1.478,1 nghìn tỷ đồng, tăng 3,5% về số doanh nghiệp và tăng 14,1% về số vốn đăng ký so với năm 2017. Ngoài ra, những hiệp định thương mại tự do có hiệu lực sắp tới cũng sẽ làm thúc đẩy xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và các thị trường khác trên thế giới.

Ngành Dệt May bước vào năm 2018 với nhiều tác động thuận lợi từ cuộc chiến tranh thương mại giữa các nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, chiến tranh thương mại cũng giúp cho Ngành Dệt May Việt Nam vừa giảm được chi phí nguyên liệu đầu vào vừa thu hút được nhiều đơn hàng, và với sự quyết tâm cao Ngành Dệt May Việt Nam đã từng bước ổn định, vượt qua thách thức, đưa kim ngạch xuất khẩu toàn ngành đạt 36 tỷ USD, tăng 16,1% so với năm 2017.

Từ bức tranh kinh tế trong và ngoài nước cùng với thực tiễn hoạt động của Công ty, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	TH 2018	TH so với KH	2018 so với 2017
Doanh thu thuần	3.209	3.166	3.662	115,66%	114,12%
Lợi nhuận trước thuế	235	236	323	136,72%	137,54%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ DTT	7%	7%	9%	118,20%	120,44%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ VCSH	22%	20%	25%	129,27%	115,47%
Cổ tức/ VĐL	10%	12%	12%	100%	120%
VCSH	1.072	1.206	1.276	106%	119%

Nhìn chung trong năm 2018, doanh thu Công ty đã thực hiện vượt gần 115,66% so với kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 136,72% so với kế hoạch.

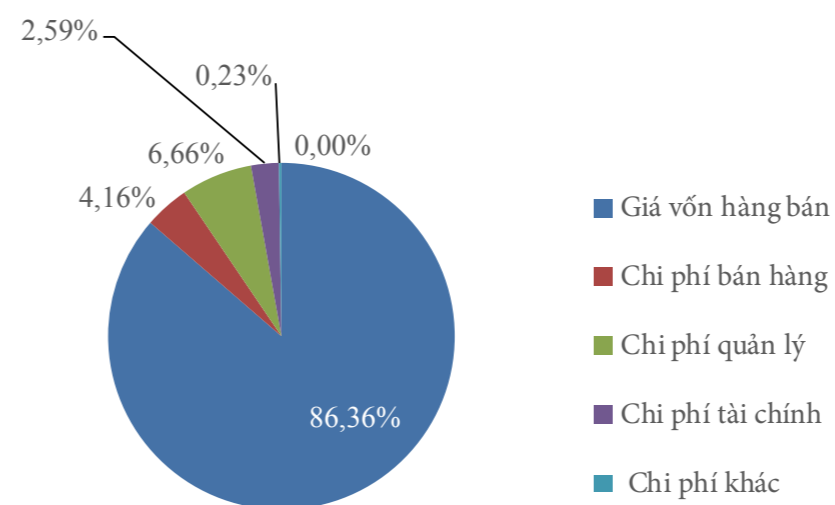
Doanh thu và lợi nhuận trước thuế đều đạt mức tăng trưởng vượt lên các kế hoạch đã đề ra, nguyên nhân là do trong năm, Công ty đã có các chính sách hợp lý khi giải thể các nhà máy sợi gây ra lỗ nặng, đồng thời nâng suất lao động tăng lên đáng kể tạo điều kiện thuận lợi cho đầu ra sản phẩm giúp tăng hiệu quả hoạt động.

Bên cạnh đó, với mục đích tái cấu trúc vốn, Công ty đã cơ cấu lại các hạng mục đầu tư dài hạn, hoàn thành việc sáp nhập Công ty TNHH MTV Thành Công – Vĩnh Long.

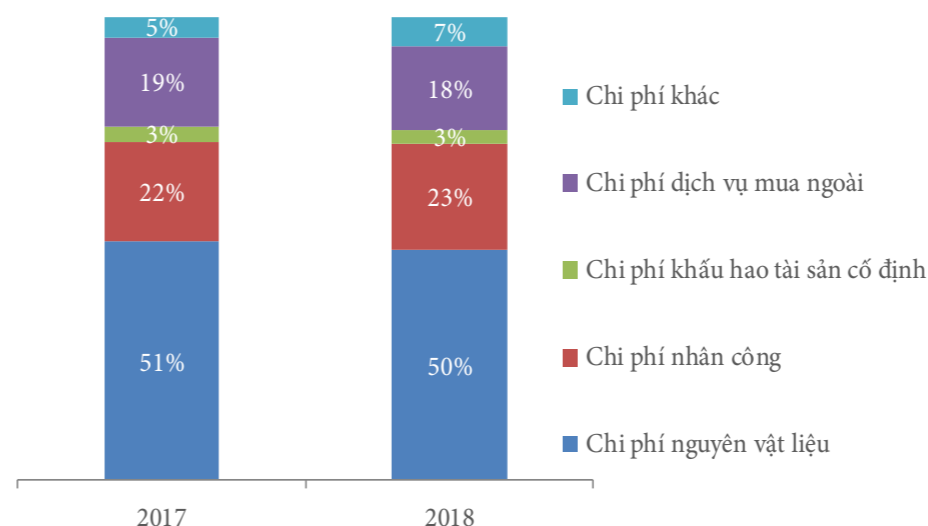
Về doanh thu

Cơ cấu doanh thu qua các năm 2017, 2018 không có sự thay đổi nhiều với doanh thu thuần từ tiêu thụ (bán) thành phẩm đóng góp giá trị lớn nhất, năm 2018 giá trị này tăng mạnh gần 14,2% so với năm trước

Về chi phí



Xét về cơ cấu chi phí hoạt động, trong năm 2018, không có nhiều biến động về thứ tự tỷ trọng các yếu tố cấu thành tổng chi phí hoạt động của Công ty. Giá vốn hàng bán luôn là yếu tố chiếm tỷ trọng cao nhất với khoảng từ hơn 86,36% qua các năm. Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng duy trì ở mức ổn định. Các chi phí khác có tỷ trọng không đáng kể.



Xét về cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, nguyên vật liệu luôn là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nhóm các yếu tố sản xuất kinh doanh. Năm 2018, tổng giá trị chi phí tăng 16,11% so với cùng kỳ, chi phí nguyên vật liệu tăng 12,08% và chi phí nhân công tăng 23,8%, chi phí dịch vụ mua ngoài có tỷ trọng đứng thứ 3 tăng lên 9,52%. Ngoài ra, chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm lại có dấu hiệu giảm 0,92% do có một số máy móc thiết bị đã khấu hao hết trong năm 2017. Các yếu tố còn lại đều có xu hướng tăng như với yếu tố nguyên vật liệu; tuy nhiên mức đóng góp không đáng kể.

Tình hình tài sản

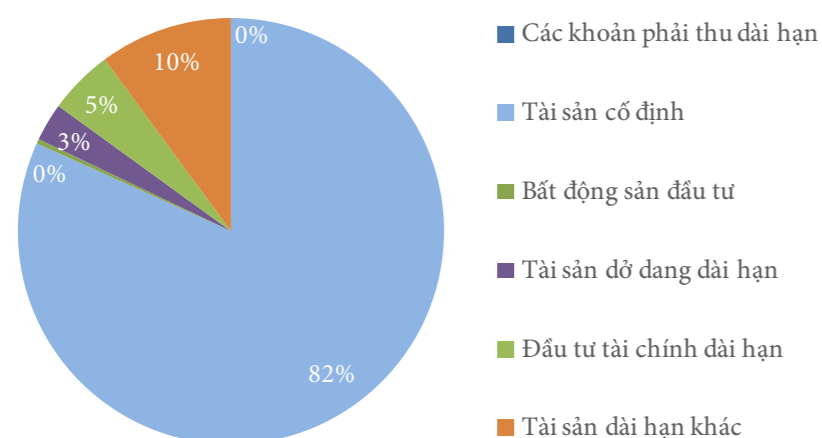
ĐVT: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	2017	2018	% Tăng/ Giảm
1	Tài sản ngắn hạn	1.606.527	1.893.146	17,84%
2	Tài sản dài hạn	1.428.855	1.354.180	-5,23%
3	Tổng tài sản	3.035.382	3.247.326	6,98%

Năm 2018, tài sản ngắn hạn tăng thêm 17,84% so với cùng kỳ chủ yếu do sự tăng lên của khoản mục tiền và các khoản tương đương từ 130 lên 216 tỷ đồng và hàng tồn kho từ 806 lên 1138 tỷ đồng. Đối với giá trị tài sản dài hạn, con số cho thấy trong năm giảm nhẹ 5,23%, nguyên nhân là do việc giảm mạnh vào đầu tư tài chính dài hạn (đầu tư vào các công ty liên kết liên doanh giảm từ 97 xuống 62 tỷ đồng). Sự gia tăng của tài sản ngắn hạn làm cho tổng tài sản tăng thêm 6,98% so với năm 2017.

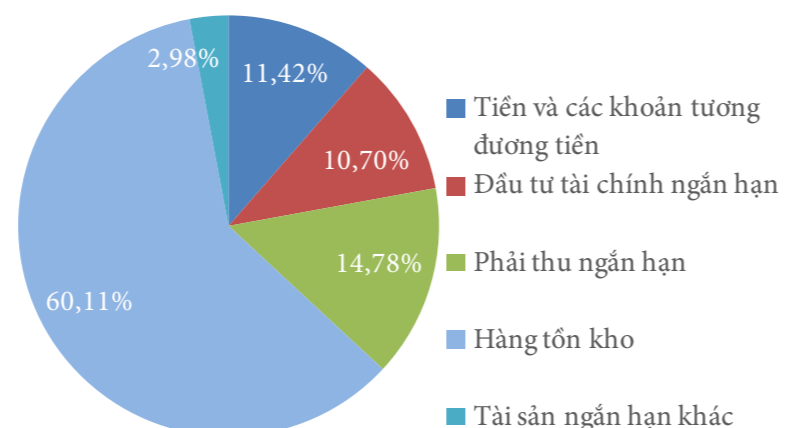
Năm 2018, cơ cấu tài sản có sự dịch chuyển sang tài sản ngắn hạn – chiếm tỷ trọng 58,30% tổng tài sản.

Xét về cơ cấu mỗi nhóm tài sản, tỷ trọng tài sản ngắn hạn, dài hạn cụ thể như sau:



Về cơ cấu tài sản dài hạn: giá trị tài sản cố định chiếm 82% tổng giá trị tài sản dài hạn, các khoản chi phí trả trước dài hạn và đầu tư tài chính dài hạn đóng góp lần lượt là 10% và 5% vào tổng tài sản dài hạn. Các loại tài sản dài hạn khác có đóng góp không đáng kể.

Về cơ cấu tài sản ngắn hạn: hàng tồn kho là khoản mục chiếm tỷ trọng chủ yếu, hơn 60% trong tổng giá trị tài sản ngắn hạn, nằm tại thành phẩm, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và nguyên vật liệu, đây là đặc thù của Ngành Dệt May. Tiếp đến là các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 14,78% tài sản ngắn hạn, các khoản phải thu của Công ty gồm có Eddie Bauer LLC, Kmart Corporation và Sear Roebuck & Co, Eland World LTD, E-land Asia Holding Pte.Ltd.. Các loại tài sản ngắn hạn khác chiếm một tỷ trọng nhỏ trong tổng giá trị tài sản ngắn hạn.

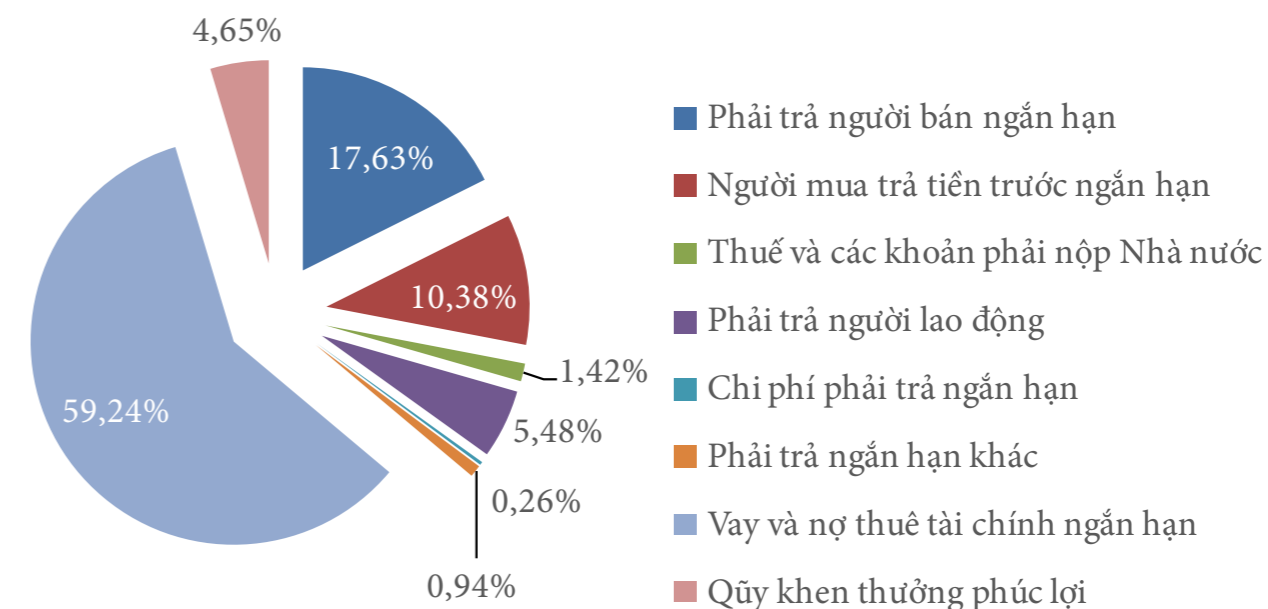


Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	2017	2018	% Tăng/ Giảm
1	Nợ ngắn hạn	1.626.471	1.701.088	4,59%
2	Nợ dài hạn	337.292	269.840	-20,00%
3	Tổng nợ	1.963.763	1.970.928	0,36%

Do nhu cầu vốn lưu động phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty sử dụng nợ vay ngắn hạn là chủ yếu. Trong đó, các khoản vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất với 59,24%, năm 2018, nợ ngắn hạn tăng thêm 4,59% so với cùng kỳ, chiếm 86,30% trên tổng nợ. Trong năm có khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn đã đến hạn trả, làm các khoản nợ dài hạn giảm mạnh 20%. Tuy nhiên nợ dài hạn chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu nợ dẫn đến tổng nợ cả năm tăng thêm 0,36%.



Về tình trạng trả nợ

Trên thực tế, Công ty luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro nói chung và đặc biệt là rủi ro thanh khoản nói riêng. Ban Tổng giám đốc luôn giám sát hoạt động quản lý rủi ro thông qua việc thường xuyên theo dõi yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động dòng tiền của Công ty.



ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tuổi nợ dưới 1 năm			Tuổi nợ trên 1 năm		
	2017	2018	+/-	2017	2018	+/-
Các khoản nợ thuê tài chính	43,07	43,98	2,11%	100,70	78,97	-21,58%
Các khoản vay	890,88	913,92	2,59%	192,85	143,16	-25,77%
Phải trả người bán và phải trả khác	306,36	315,97	3,14%			
Chi phí phải trả	12,70	4,35	-65,75%			
Tổng cộng	1.253,02	1.284,05	2,48%	293,55	222,14	-24,33%

Ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	2017	2018
1	Vay ngắn hạn	968.876	1.007.708
2	Vay dài hạn	293.549	222.136
3	Chi phí lãi vay	47.847	51.903
4	Chi phí lãi vay/doanh thu thuần	1,49%	1,42%

Tổng lãi vay năm 2018 là 51,9 tỷ đồng, tăng 8,48% so với năm 2017. Tỷ lệ chi phí lãi vay/doanh thu thuần đạt 1,42%, đây là mức thấp và thể hiện Công ty không chịu nhiều rủi ro về biến động lãi suất.

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2018 sẽ giảm/tăng 22.137.756.787 đồng (kỳ hoạt động 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2018 là 22.373.068.937 đồng).

Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá

ĐVT: Triệu đồng

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2018	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2017
Đô la Mỹ (USD)	1.141.149	1.152.280	419.575	504.167
Euro (EUR)	363		5	5
Yên Nhật (JPY)			20	19
Tổng cộng	1.141.512	1.152.280	419.599	504.191

Vì thực hiện giao dịch với một số thị trường trên thế giới, Công ty chịu ảnh hưởng từ thay đổi tỷ giá của đồng USD, Yên Nhật và Euro. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ USD so với VND tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng 36.078.706.061 đồng tương ứng (lợi nhuận trước thuế kỳ hoạt động 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2018 là 323.429.393.787 đồng).

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

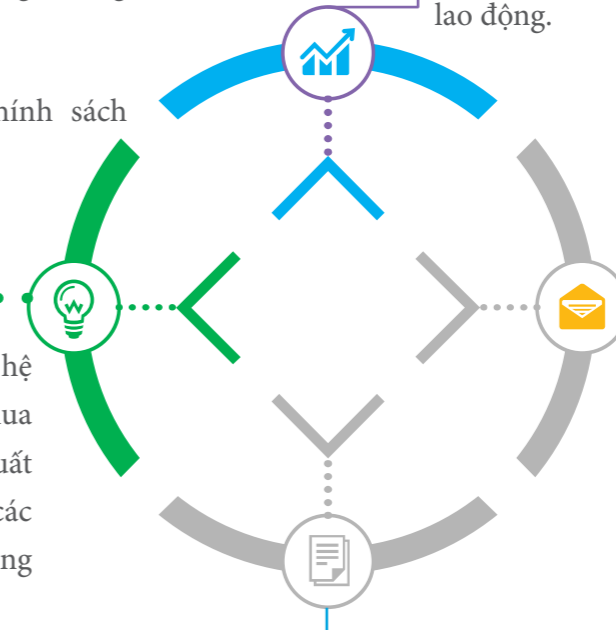
Về công tác điều hành, quản lý:

- Triển khai áp dụng và nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý thành tích mới theo KPIs. Từng cấp quản lý, từng nhân viên chủ động thực hiện nhiệm vụ của mình. Công ty tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho nhân viên.
- Xây dựng hệ thống đánh giá năng lực nhân viên.
- Cải tiến quy trình, chính sách thăng cấp nhân viên.

Về Chính sách:

- Tiếp tục theo đuổi chiến lược của Công ty với mục tiêu “Nhanh hơn – Tốt hơn – Rẻ hơn” (Faster – Better – Cheaper).
- Đổi mới chính sách tăng lương, xét thưởng, phụ cấp theo thành tích công tác của nhân viên.
- Nâng cao các chế độ phúc lợi cho người lao động.

Mở rộng phạm vi áp dụng hệ thống ERP vào các lĩnh vực: mua hàng, tính giá các đơn hàng xuất khẩu, theo dõi và kiểm soát các chỉ tiêu KPI của các đơn vị trong Công ty.



Xây dựng hệ thống chính sách, quy trình kiểm toán nội bộ để tăng cường kiểm soát rủi ro, kiểm soát hệ thống.

Về cơ cấu tổ chức: Công ty tập trung vào việc nâng cao hiệu quả của các cấp quản lý, điều hành

- Đối với khối Sales xuất khẩu: tổ chức lại 3 đơn vị xuất khẩu sản phẩm may theo thị trường nhằm tập trung phát triển thị trường mới, khách hàng mới và chuyên môn hóa đội ngũ nhân viên, đó là:

- Thị trường Mỹ (Team A1, Team A2) và thị trường EU (Team A3); Thị trường Nhật (Team B1, Team B2); Thị trường châu Á: Hàn Quốc, Trung Quốc (Eland Team);

- Mua lại Xưởng May Trảng Bàng từ Công ty TNHH E.LAND VIỆT NAM để tăng năng lực sản xuất ngành May, đáp ứng yêu cầu tăng doanh thu;

- Tiếp tục đầu tư và phát triển Phòng R& BD (Research & Business Development) để đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, đồng thời thành lập bộ phận R&D của ngành May.

- Thành lập Phòng Kế hoạch sản xuất trực thuộc Công ty để nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất, tăng cường kiểm soát kế hoạch sản xuất và kinh doanh của tất cả các đơn vị thuộc Công ty, ứng dụng phần mềm ERP vào kiểm soát kế hoạch sản xuất.

- Thành lập Phòng Kiểm Toán Nội Bộ và Phòng phân tích tham mưu (Business Intelligent) để tăng cường năng lực tổng hợp, phân tích, tham mưu cho Ban Tổng giám đốc.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Năm 2018, Ngành Dệt May tiếp tục phát triển đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu, bên cạnh những thị trường xuất khẩu chính được giữ vững như: Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc vẫn đạt mức tăng trưởng tốt, một số thị trường có sự bứt phá như: Trung Quốc, Nga, Campuchia...

Đồng thời, các doanh nghiệp hình thành các chuỗi liên kết sản xuất sợi, dệt, nhuộm, may nhằm tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp tập trung đầu tư vào lĩnh vực cốt lõi, có lựa chọn, tránh dàn trải, không nên bỏ qua thị trường nội địa, phát triển các sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng trong nước, xây dựng thương hiệu mới và các kênh tiêu thụ. Đặc biệt, ngành vẫn phải tập trung vào năng suất, cải thiện chi phí lao động trên một đơn vị sản phẩm, rút ngắn thời gian giao hàng dịch vụ tại các nơi cũng như củng cố mạng lưới logistics đối với các nước. Năm 2018 là một năm khởi sắc của Ngành

Dệt May Việt Nam tăng trưởng 16,1% so với năm 2017, kim ngạch xuất khẩu đạt 36 tỷ USD. Dự báo, năm 2019 tăng trưởng 14-15% so với năm 2018, đạt trên 40 tỷ USD; Ngành Dệt May có thể tiếp tục là ngành thu ngoại tệ nhiều thứ hai về cho Việt Nam. Với Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được ký kết vào 08/3/2018 và bắt đầu có hiệu lực vào năm 2019 đặt ra kỳ vọng xuất khẩu sang 6 nước nhập khẩu hàng dệt may trong CPTTP. Để hoàn thành mục tiêu, kế hoạch đã đặt ra, VITAS khuyến nghị các doanh nghiệp, ngoài việc tập trung khai thác tốt các thị trường hiện có cần quan tâm nghiên cứu, tìm hiểu các quy định liên quan đến dệt may tại EVFTA và CPTPP như quy tắc xuất xứ, phòng vệ thương mại, vấn đề về lao động, môi trường, sở hữu trí tuệ... để có thể khai thác hiệu quả khi hai hiệp định này có hiệu lực. Bởi, những nước thành viên của hai hiệp định này là các thị trường lớn tiềm năng và có mức thuế suất sẽ giảm dần về 0%.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng cần tìm hiểu thị hiếu, văn hóa, tập quán tiêu dùng của người dân tại các thị trường này. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng cần tăng cường sự liên kết, hợp tác (cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), để hình thành chuỗi liên kết có khả năng cung ứng cho thị trường nội địa và xuất

khẩu...Thị trường may mặc toàn cầu dự báo sẽ đạt 1.004,6 tỷ USD vào năm 2021, tăng 19,2% kể từ năm 2016. Tốc độ tăng trưởng hàng năm kép (CAGR) của thị trường trong giai đoạn 2015-2020 dự kiến là 3,6%. Châu Á - Thái Bình Dương chiếm 60,7% giá trị thị trường dệt may toàn cầu và Châu Âu chiếm thêm 15,0% thị trường.

Dự báo thị trường may mặc thế giới giai đoạn 2016-2021

Năm	Tỷ USD	% Tăng trưởng
2016	842,7	5,5
2017	872,3	3,5
2018	903,9	3,6
2019	937,4	3,7
2020	970,9	3,6
2021	1.004,6	3,5
Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm		3,6



Dựa trên thực tế sản xuất kinh doanh năm 2018 và dự báo cho năm 2019, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019
1	Doanh thu thuần	Tỷ Đồng	3.952,70
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đồng	241,86
3	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ DTT	%	7,00%
4	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ VCSH	%	18,00%
5	Cổ tức/ VĐL	%	12%

Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có

04 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ, NGÀNH DỆT MAY TRONG

NĂM 2018

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ, NGÀNH DỆT MAY TRONG NĂM 2018

Tình hình kinh tế thế giới

- Năm 2018 tình hình thế giới diễn biến phức tạp; xung đột xảy ra ở nhiều nơi; cạnh tranh giữa các nước lớn gay gắt; chủ nghĩa bảo hộ, chiến tranh thương mại ngày càng phức tạp, khó lường; khoa học công nghệ phát triển nhanh và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động sâu rộng đến nhiều lĩnh vực.
- Kinh tế thế giới đã duy trì đà tăng trưởng tốt trong nửa đầu 2018, sau đó có xu hướng chững lại.
- Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đã dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2018 – 2019 có thể chỉ bằng mức tăng trưởng 3,7% của năm 2017.
- Một số thị trường trong năm 2018 vẫn duy trì mức tăng trưởng như Hoa Kỳ 2,9%; Trung Quốc 6,6%; thị trường chung Châu Âu 2,9%, Asean-5 đạt 5,3%, nhưng mức tăng trưởng không cao.

Tình hình kinh tế Việt Nam

- Năm 2018, với những giải pháp đúng đắn của Chính Phủ cùng sự nỗ lực của hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện, bao gồm các điểm nổi bật sau đây:
 - Tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức cao, đạt 7,08 % (cao nhất trong vòng 10 năm qua); quy mô GDP đạt hơn 240 tỉ USD;
 - Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, chỉ số CPI duy trì dưới 4%;
 - Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 480 tỉ USD, xuất siêu 3 năm liên tiếp;

- Môi trường kinh doanh, đầu tư được cải thiện mạnh mẽ, thúc đẩy các kế hoạch đầu tư lớn của đất nước;
- GDP bình quân đầu người đạt 2.587 USD - tăng 8,2% so với 2017.
- Tuy nhiên, nền kinh tế còn nhiều khó khăn, hạn chế ...như sức ép lạm phát lớn; tính tự chủ của nền kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu mới; cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước chưa đạt mục tiêu; sản xuất kinh doanh khó khăn chậm được tháo gỡ; cơ cấu lại một số ngành, lĩnh vực sản xuất còn chưa đồng bộ (cụ thể ngay trong Ngành Dệt May có sự thiếu đồng bộ trong sản xuất vải và nguyên phụ liệu cung cấp cho các công ty may).



Tình hình Ngành Dệt May

Tương ứng với đà tăng trưởng của toàn nền kinh tế trong năm 2018, Ngành Dệt May Việt Nam cũng có tốc độ tăng trưởng cao với doanh thu kim ngạch xuất khẩu đạt 36,1 tỉ USD - tăng 16,1 % so với thực hiện 2017. Ngành Dệt May tiếp tục duy trì xuất siêu 17,86 tỉ USD, đạt cao hơn 2017.

Sự kiện Hoa Kỳ rút khỏi TPP và đưa ra các chính sách bảo hộ thương mại đã ảnh hưởng phần nào đến Ngành Dệt May Việt Nam thực hiện đơn hàng xuất khẩu vào thị trường Mỹ. Ngược lại, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung cũng có ảnh hưởng

đến chuyển dịch đơn hàng từ Trung Quốc vào Việt Nam. Kết quả kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam vào các thị trường chính đều tăng hơn so với 2017 (Hoa Kỳ tăng 11,42%; EU 10,94%; Trung Quốc 13,3%; Nhật Bản 22,8%; Hàn Quốc 20,2%; Asean 20,85% ...)

Một số khó khăn vẫn tiếp tục trong năm 2018, làm suy giảm khả năng cạnh tranh của các Doanh nghiệp như chi phí đầu vào tăng (tiền lương và các khoản phí BHXH, BHYT theo lương); giá nguyên liệu xơ sợi biến động; hàng Dệt May nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng tràn lan trên thị trường ...

Dự báo tình hình kinh tế và Ngành Dệt May năm 2019

Năm 2019, dự báo tình hình kinh tế thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh gay gắt; chiến tranh thương mại giữa các nước lớn chưa có điểm dừng; biến động tỷ giá, điều chỉnh lãi suất, rủi ro thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng; khoa học công nghệ phát triển nhanh và cách mạng công nghiệp 4.0 tiếp tục tác động mạnh đến nhiều lĩnh vực (trong đó có Dệt May); giá dầu thế giới luôn biến động khó lường ...

Theo IMF, kinh tế toàn cầu năm 2019 được dự báo tăng trưởng 3,7% - 4,6% . Tuy nhiên, một số nền kinh tế lớn được dự báo có mức tăng trưởng giảm

trong năm 2019 do tác động của chiến tranh thương mại (Hoa Kỳ dự báo đạt 2,5%; Trung Quốc 6,2%, EU 1,9% và đều thấp hơn mức tăng trưởng 2018).

Trong nước nền kinh tế sẽ tiếp tục những khó khăn, thách thức cùng các tồn tại yếu kém như sức ép lạm phát lớn; tính tự chủ của nền kinh tế chưa theo kịp yêu cầu mới; tăng trưởng chậm & chưa bền vững; năng suất lao động và năng lực cạnh tranh thấp chưa đáp ứng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu; ứng dụng công nghệ cao trong một số lĩnh vực còn hạn chế; môi trường kinh doanh còn nhiều hạn chế bất cập.



Theo đánh giá từ lãnh đạo Ngành Dệt May Việt Nam (Vinatex, Vitas), Dệt May Việt Nam đang đà tăng trưởng thuận lợi trong năm 2018 và được xem là năm tăng trưởng đột biến của ngành. Tuy nhiên, năm 2019 cũng dự báo nền kinh tế còn tiềm ẩn nhiều bất ổn, rủi ro khó lường do các yếu tố: đồng tiền các quốc gia xuất khẩu dệt may lớn bị phá giá (Trung Quốc, Ấn Độ) làm cho hàng hóa Việt Nam đắt hơn, khó cạnh tranh thu hút đơn hàng; sự tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã làm cho lượng cầu hàng hóa giảm trong quý IV/2018, đặc biệt là ngành sợi; việc tăng lãi suất của các quốc gia sẽ làm cho cầu hàng hóa có xu hướng giảm (dự báo tiếp tục tăng lãi suất của FED, điều chỉnh lãi suất của thị trường EU, Nhật Bản ...); may mặc Việt Nam phụ thuộc nguồn cung vải từ Trung Quốc đến 45% và một khi Trung Quốc thay đổi chính sách (như tăng thuế xuất khẩu

vải hoặc giảm/ không bán vải cho các nước may hàng xuất vào Mỹ) vì lý do nào đó thì ngành Dệt May Việt Nam sẽ khó khăn tìm nguồn thay thế... Một số khó khăn từ 2018 mà các Doanh nghiệp Dệt May phải đối mặt, đó là sự cạnh tranh giá với các quốc gia được ưu đãi thuế nhập khẩu Dệt May vào EU, Hoa Kỳ cùng với chính sách bảo trợ ngành Dệt May các nước trong khu vực (Bangladesh, Pakistan, Ấn Độ ...); sức ép hàng hóa tiêu ngạch, nhập lậu từ các nước lân cận; sự có mặt các thương hiệu lớn ZARA, H&M, UNIQLO ...trên sân nhà; ưu thế vượt trội của các Doanh nghiệp FDI tại Việt Nam; các chi phí đầu vào tăng; rào cản về chính sách của Chính phủ, các Bộ đối với hoạt động Doanh Nghiệp...

Tuy nhiên, Ngành Dệt May vẫn có những cơ hội, lợi thế về tiêu chuẩn môi trường, nhà xưởng...

cùng lực lượng lao động trẻ, khéo léo thực hiện tốt các đơn hàng may xuất khẩu so với các nước trong khu vực; lợi thế từ CPTPP với hai thị trường xuất khẩu dệt may tiềm năng Canada và Úc cùng hiệp định EVFTA dự kiến được ký kết và sẽ có hiệu lực vào cuối năm 2019 cho thị trường EU...

Với phân tích cùng dự báo những tiềm ẩn bất ổn và rủi ro khó lường của nền kinh tế, các Doanh Nghiệp được khuyến cáo về đầu tư mở rộng năm 2019 phải thận trọng, tránh những rủi ro lớn khi hiện nay chưa phải là thời điểm thuận lợi cho tăng trưởng toàn cầu của Ngành Dệt May.



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hoạt động sản xuất kinh doanh

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	NĂM 2017	NĂM 2018			
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	So với KH 2018	So với TH năm 2017
Doanh thu	3.209.070	3.166.105	3.662.011	115,66%	114,12%
Lợi nhuận sau thuế	192.616	189.454	260.436	137,47%	135,21%

Năm 2018, Công ty đã thực hiện vượt kế hoạch các chỉ tiêu đã đặt ra, bao gồm doanh thu đạt 115,66% và lợi nhuận sau thuế đạt 137,47% so với kế hoạch 2018; tăng trưởng về doanh thu 14,09% và lợi nhuận sau thuế 35,21% so với thực hiện 2017. Như vậy, Công ty đã thực hiện xuất sắc các chỉ tiêu đề ra với mức tăng trưởng cao so với thực hiện năm 2017.

Hoạt động sản xuất kinh doanh (tt)

Tuy nhiên, Công ty cũng còn một số hạn chế trong hoạt động sản xuất kinh doanh như:

- Ngành sợi chưa đạt kế hoạch doanh thu (đạt 92%) do trong quá trình tái cơ cấu mặt hàng cần thời gian khảo sát, chọn lựa và phát triển sản phẩm mới; lợi nhuận đem lại từ kinh doanh sợi ở mức rất thấp (ở mức hòa vốn), mặc dù lợi nhuận gộp (GP) đã được tăng lên đáng kể so với thực hiện 2017.

- Trong năm, Công ty đã gặp phải khó khăn về giao dịch thanh toán tiền hàng đã xuất với 01 khách hàng Mỹ do không lường hết được những rủi ro tiềm ẩn từ khách hàng này, nên các kế hoạch sản xuất & phát triển đơn hàng thị trường Mỹ bị ảnh hưởng theo (sản xuất và xuất hàng giảm vào cuối 2018), doanh thu và lợi nhuận giảm tương ứng.

- Để khắc phục những hạn chế, Ban lãnh đạo Công ty đã xem xét toàn diện và đưa ra các giải pháp khắc

phục, bao gồm (1) sản xuất kinh doanh sợi được xem xét ở góc độ xu hướng tiến bộ thì Ngành sợi đã có những chuyển biến tích cực bằng sự nỗ lực của cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh trong việc theo sát tình hình thị trường, nghiên cứu chọn lựa sản phẩm mới phù hợp và phát triển các đơn hàng có lợi nhuận tốt hơn, đạt mức tăng trưởng cao đáng kể về lợi nhuận gộp trong năm 2018 và đang tiếp tục cải tiến trong năm 2019; (2) Công ty đã có giải pháp xử lý nhanh theo qui trình & luật định với khách hàng & đối tác bên Mỹ, đưa ra những yêu cầu đàm phán giải quyết các tổn động đơn hàng và thực hiện các biện pháp nội bộ để bảo đảm hoạt động Công ty không bị trở ngại – Việc khắc phục bước đầu có kết quả tích cực, tạo được sự ổn định và an tâm sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty.



Kết quả sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao do những nguyên nhân:

• Nhờ vào sự nỗ lực vượt qua khó khăn của đội ngũ quản lý và tập thể công nhân viên Công ty, hầu hết các đơn vị sản xuất kinh doanh đều đạt thành tích cao về doanh thu và lợi nhuận, nổi bật là sự đóng góp đáng kể các đơn hàng sản phẩm may và vải dệt xuất khẩu ...

• Lợi nhuận tăng đột biến từ khoản lợi nhuận trong chuyển nhượng, đầu tư khác đem lại..., bao gồm chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (“TCSC”); đầu tư Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex; chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản của các công ty con; chuyển nhượng nhà xưởng và máy móc thiết bị xưởng sợi 3 (theo kế hoạch 2018 về tái cơ cấu lại ngành sợi hiệu quả thấp; chuyển nhượng công ty con hoạt động không có lợi nhuận ... tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả hơn ...) – Lợi nhuận các giao dịch này đóng góp khoảng 20% trong tổng lợi nhuận Công ty năm 2018.

Hoạt động đầu tư dự án



Trong năm 2018, Công ty đã đầu tư cho các hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng giá trị 166,4 tỷ, tập trung chủ yếu vào mua máy móc thiết bị cho Ngành sản xuất Đan kim, Nhuộm, Dệt và May với số tiền chiếm tỷ lệ 52% trên tổng giá trị đầu tư; cải tạo và xây dựng nhà xưởng, mở thêm 1 xưởng may đáp ứng sản lượng đơn hàng tăng, showroom ...chiếm tỷ lệ 36%; đầu tư bổ sung tài sản cố định cho hoạt động sản xuất, bao gồm hệ thống xử lý nước thải nhuộm, hệ thống tiền xử lý nước thải tái sử dụng, hệ thống nguồn điện động lực, chiếu sáng, đường ống dẫn hơi & khí nén..., hệ thống báo cháy và chữa cháy nhà kho chiếm tỷ lệ 9,7%;

còn lại đầu tư trang thiết bị, công cụ quản lý (phần mềm), phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh ...với tỷ lệ gần 2,7%/ tổng giá trị đầu tư.

Công tác đầu tư đã được thực hiện luôn ưu tiên cho sản xuất nhằm thực hiện tốt nhất đơn hàng, thu hồi lợi nhuận nhanh, tiết kiệm và hiệu quả cao; không đầu tư tràn lan cũng như không đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả thấp.

Các hạng mục đầu tư trong năm 2018 đã và đang tiếp tục triển khai, đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và thỏa mãn tốt yêu cầu khách hàng.

Hoạt động môi trường



Công ty chấp hành đúng và đầy đủ các cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt và các quy định pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, cụ thể đã thực hiện đầy đủ các báo cáo về môi trường định kỳ theo quy định; đóng thuế tài nguyên nước và bảo vệ môi trường với nước thải đầy đủ ...

Quan tâm và tổ chức huấn luyện nhận thức môi trường cho nhân viên Công ty.

Duy trì thực hiện giải pháp kiểm soát chặt chẽ môi trường sản xuất bằng hệ thống quan trắc tự động online cho hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo kiểm soát tốt môi trường theo quy định.

Công ty luôn đáp ứng các tiêu chí về môi trường theo các yêu cầu của các tổ chức chứng nhận, khách hàng; đã xây dựng hệ thống quản lý Môi trường công ty theo tiêu chuẩn ISO14001-2015 và đã được cấp chứng nhận ISO14001-2015 do tổ chức BSI chứng nhận trong năm 2018.

Hoạt động cộng đồng, xã hội



Công ty đã luôn quan tâm và thực hiện tốt các chương trình trách nhiệm với xã hội, cộng đồng (“CSR”). Ngoài nỗ lực sản xuất kinh doanh tốt tạo ra lợi nhuận, duy trì hoạt động và phát triển Công ty, trách nhiệm với xã hội, cộng đồng đã được Công ty duy trì thực hiện thông qua các chương trình từ thiện như chăm lo sức khỏe và đời sống của cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ các gia đình và khám và phát thuốc miễn phí cho người nghèo của quận Tân Phú và tỉnh Vĩnh Long; trao tặng học bổng cho các em nghèo hiếu học hoàn cảnh khó khăn; chăm lo, bảo trợ định kỳ cho các em mồ côi, khiếm thị tại 3 mái ấm ở thành phố Hồ Chí Minh; tham gia các chương trình từ thiện của Ngành Dệt May Việt Nam và Hội Dệt May thành phố...

Ban lãnh đạo cùng các đơn vị Công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho người nghèo, người thiếu may mắn ... và được lãnh đạo các địa phương, Ngành Dệt May... đánh giá cao về sự đóng góp chia sẻ này. Kết quả thực hiện trong năm 2018, Công ty đã đóng góp 1.370 triệu đồng cho các chương trình CSR nêu trên.



Các hoạt động trọng yếu khác

Nghiên cứu và Phát triển (R&D)

• Công tác Nghiên cứu & Phát triển luôn được quan tâm và khẳng định là khâu quan trọng đối với hoạt động và phát triển Công ty, R&D luôn đi đầu nhằm đưa ra những sản phẩm mới định hướng người tiêu dùng, từ đó mang lại nhiều đơn hàng mới cho sản xuất của Công ty.

• Trong năm 2018 Công ty đã đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng và đào tạo nhân lực cho R&D, đặc biệt đã hoàn thành đưa vào sử dụng Showroom cho R&D với nhiều mẫu mã, trình bày ấn tượng và phong cách chuyên nghiệp; hoạt động R&D theo hướng đổi mới thường xuyên về mẫu mã, cách trưng bày và phù hợp với xu hướng phát triển thị trường, qua đó giới thiệu tốt hơn nhiều sản phẩm mới đặc trưng đến khách hàng.

• Một số sản phẩm mới đã được phát triển trong năm 2018 như sản phẩm tái chế bảo vệ môi trường, giữ ấm cho người mặc, chống thấm nước, chống thấm dầu, chống cháy ... đã có đơn đặt hàng. Mặc dù doanh thu đơn hàng từ sản phẩm mới còn ở mức khiêm tốn (khoảng 5 triệu USD), nhưng tăng trưởng doanh thu năm 2018 đạt cao hơn 60% so với năm 2017 (03 triệu USD) và đang triển khai nghiên cứu mở rộng sang sản phẩm sợi, vải dệt thoi và dệt kim nhằm đẩy mạnh phát triển đơn hàng, thị trường hơn nữa.



Công tác quản lý chất lượng sản phẩm

• Công ty có đội ngũ quản lý chất lượng (QA) được đào tạo từ chuyên nghiệp đến nâng cao, được huấn luyện thường xuyên hàng quý và đánh giá kiểm tra trình độ cuối năm. Kết quả: 90% đội ngũ QA đạt trình độ khá, giỏi, xuất sắc; còn lại 10% đạt điểm trung bình; tỷ lệ có trình độ từ khá trở lên đến giới được nâng lên 10% và trình độ trung bình giảm 10% so với kết quả thi năm 2017. Từ đó, hầu hết khách hàng của Công ty đã tin tưởng trao quyền tự kiểm và xác nhận chất lượng hàng hóa xuất đi (thay vì thuê bên thứ 3 kiểm xuất).

• Kết quả năm qua thực hiện khá tốt, tỷ lệ khách hàng xác nhận chất lượng đơn hàng xuất khẩu đạt năm 2018 là 99,80%; tỷ lệ đạt sự hài lòng của khách hàng về chất lượng được trao quyền kiểm xuất là 95% (không cần QC khách hàng hoặc đơn vị thứ 3 giám định chất lượng sản phẩm xuất đi).



Các hoạt động trọng yếu khác (tt)

Công tác nguồn nhân lực

- Công ty đã luôn ưu tiên hàng đầu trong việc phát triển con người và xây dựng phát triển nguồn nhân lực, vì đây là yếu tố có tính quyết định đến hoạt động và chiến lược phát triển bền vững của Công ty.
- Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện nhiều chính sách phát triển nguồn nhân lực như áp dụng hệ thống quản lý thành tích nhân viên thông qua đánh giá kết quả thực hiện KPI và thường xuyên phản hồi cho nhân viên hàng tháng, hàng quý để khắc phục các điểm yếu, phát huy điểm mạnh, những việc làm tốt; thực hiện các chính sách nâng lương, thưởng thành tích, thăng cấp ... qua đánh giá thành tích nhằm tạo động lực làm việc cho nhân viên; định kỳ thực hiện các chương trình đào tạo, huấn luyện để phát triển các kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm, kỹ năng chuyên môn của nhân viên;



duy trì thực hiện tốt việc tuyển dụng các tài năng trẻ để phát triển đội ngũ kế thừa thông qua chương trình TSI (Thanh Cong Strategy Internship).

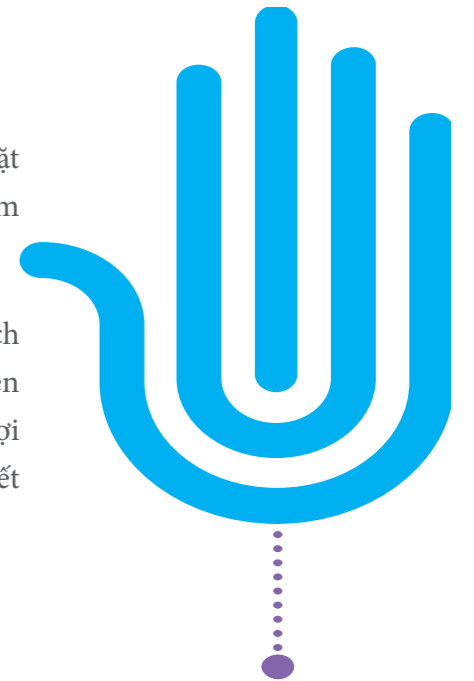
- Công ty luôn đảm bảo việc làm và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thể hiện ở kết quả thực hiện như thu nhập bình quân của người lao động năm 2018 tăng 8,5% so với năm 2017; trong khi thời giờ làm việc giảm, đặc biệt là công nhân ngành may; xây dựng được môi trường làm việc tiện nghi, hiện đại và thoải mái, thân thiện cho người lao động (đầu tư văn phòng làm việc tiện nghi, nhà xưởng thông thoáng, cải thiện điều kiện làm việc, trang bị các phương tiện vui chơi, giải trí, tập luyện thể thao ...).

Vì vậy, người lao động luôn an tâm làm việc và gắn bó với Công ty, tỷ lệ biến động lao động năm 2018 giảm đáng kể so với các năm trước.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Những mặt làm được

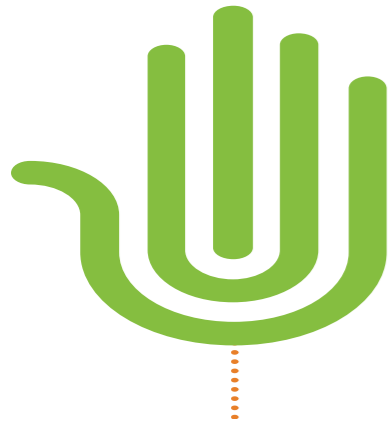
- Hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong năm 2018 đã theo sát mục tiêu đặt ra, luôn lấy hiệu quả kinh tế & lợi ích Công ty làm mục tiêu hành động nhằm đạt kết quả cao nhất cho Công ty.
- Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược và hoạch định tốt việc thực hiện các chỉ tiêu Công ty, đặc biệt là đã chỉ đạo thực hiện sản xuất kinh doanh đạt thành tích xuất sắc về doanh thu (115%) và lợi nhuận (137%), tăng trưởng đạt cao so với thực hiện 2017. Đây cũng là kết quả đạt cao nhất trong nhiều năm qua.
- Trong điều hành, luôn nhạy bén, quyết đoán và suy nghĩ đổi mới, tìm giải pháp khắc phục kịp thời những vướng mắc, khó khăn ... nổi bật là các vấn đề về tái cơ cấu sản xuất kinh doanh Ngành Sợi đạt kết quả với lợi nhuận tăng cao và xóa bỏ tình trạng lỗ đối với mảng kinh doanh sợi kéo dài nhiều năm; thực hiện tốt việc chọn lọc và cơ cấu lại các hạng mục (công ty con, đầu tư ngoài...) không hiệu quả và từng bước giảm các khoản lỗ Công ty; cải tiến hoạt động R&D qua việc hoàn thành và đưa vào sử dụng showroom mới có diện mạo ấn tượng, trình bày mẫu mã đẹp & phong phú; phong cách chào hàng chuyên nghiệp, đem lại lợi ích cho khách hàng và uy tín Công ty cùng các đơn đặt hàng của khách từ sản phẩm thiết kế mới; xử lý nhanh sự cố & khó khăn phát sinh từ khách hàng Mỹ với nhiều giải pháp đồng thời, bước đầu đã giải tỏa các khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tạo sự ổn định và an tâm thực hiện nhiệm vụ 2019 trong toàn Công ty...
- Ban Tổng Giám Đốc luôn quan tâm ứng dụng khoa học công nghệ vào các lĩnh vực hoạt động Công ty nhằm tạo điều kiện thực hiện sản xuất kinh doanh



có hiệu quả hơn, quản lý chặt chẽ, kịp thời Đến nay, các phần mềm tiếp tục được duy trì, khai thác tốt hơn và không ngừng hoàn thiện như hệ thống quản lý thành tích nhân viên KPI, hệ thống phần mềm quản lý công ty ERP, phân tích lợi nhuận bằng công cụ Profit map, các phần mềm hỗ trợ trong sản xuất kinh doanh....

- Ban Tổng giám đốc luôn xác định tầm quan trọng của nguồn nhân lực và không ngừng chăm lo, đào tạo phát triển đội ngũ lao động Công ty thông qua các chính sách phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo việc làm và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động... Từ đó, tạo sự an tâm làm việc và gắn bó người lao động với Công ty, giảm đáng kể tỷ lệ biến động lao động so với những năm trước (xem thêm mục 4.2 về nội dung Công tác nguồn nhân lực).

- Ban Tổng Giám Đốc nghiêm túc chấp hành các nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty; trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.



Những mặt chưa làm được và nguyên nhân:

Mặc dù sản xuất kinh doanh sợi đã có nhiều cải tiến, đạt kết quả tốt hơn năm 2018, có lợi nhuận gộp tăng cao (tăng trưởng vượt đáng kể so với 2017), nhưng lợi nhuận sau thuế còn ở mức thấp (gần như hòa vốn) => Công ty tiếp tục cải tiến kinh doanh sợi để có hiệu quả tốt hơn.

Năm 2018, Công ty thực hiện chương trình tái cơ cấu sản xuất kinh doanh sợi với mục tiêu giải quyết lỗ kinh doanh sợi kéo dài, Ban Tổng giám đốc đã quyết tâm cắt bỏ các hạng mục không hiệu quả bằng nhiều giải pháp trong sản xuất kinh doanh và đã thu được kết quả tích cực. Đây mới chỉ là kết quả bước đầu và Ngành Sợi sẽ tiếp tục cải tiến để có hiệu quả cao hơn trong năm 2019.

Quản trị rủi ro cần được xem xét và có giải pháp toàn diện hơn, đặc biệt là rủi ro từ thị trường, khách hàng nhằm ứng phó kịp thời, đảm bảo an toàn cho hoạt động Công ty. Trong quản lý điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã luôn quan tâm xem xét các nhân

tố rủi ro ảnh hưởng đến Doanh nghiệp, bao gồm rủi ro từ biến động của nền kinh tế (tăng trưởng/suy giảm), lãi suất, tỷ giá, nguồn cung lao động, quy định pháp luật, rủi ro khác (cháy nổ) ... và phân tích, dự báo, đưa ra các biện pháp ứng phó dự phòng. Tuy nhiên, rủi ro về thị trường, khách hàng (đặc biệt với thị trường nước ngoài) là khó lường (vì thị trường thay đổi nhanh chóng, thông tin hạn chế, xa cách địa lý...), dẫn đến công ty đã gặp khó khăn với 1 khách hàng lớn từ Mỹ => Công ty cần đẩy mạnh kiểm soát rủi ro đối với các nhân tố thị trường, khách hàng và các rủi ro mới (dự báo nếu có)..., đảm bảo hoạt động công ty ổn định và đạt hiệu quả cao hơn.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT



Năm 2018 với tình hình thế giới tiếp tục những biến động khó lường, sự bùng phát cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn, gia tăng chủ nghĩa bảo hộ, chiến tranh thương mại giữa các quốc gia (đặc biệt là cuộc chiến Mỹ - Trung) ngày càng phức tạp. Nền kinh tế Việt Nam còn nhiều hạn chế khó khăn, nhưng đã đạt được nhiều chỉ tiêu quan trọng, đặc biệt tốc độ tăng trưởng đạt cao nhất trong 10 năm qua (7,08%). Hoạt động Công ty còn những khó khăn, hạn chế ..., nhưng bằng sự nỗ lực, mạnh mẽ đổi mới, sáng tạo của Tập thể Ban lãnh đạo & cán bộ công nhân viên trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu với mức tăng trưởng cao, doanh thu vượt 15% và lợi nhuận vượt 35% so với thực hiện năm 2017.



Về đối nội

Chỉ đạo và giám sát Công ty thực hiện tốt các chỉ tiêu do Đại hội cổ đông đề ra cho năm hoạt 2019 như sau:

- Doanh thu: 3.952,70 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 241,865 tỷ đồng

Chủ động cùng Ban Tổng giám đốc cải tiến đổi mới các lĩnh vực kém hiệu quả, chưa hoàn thiện ... như sản xuất kinh doanh sợi, kinh doanh nội địa, kinh doanh các mặt hàng mới được thiết kế từ R&D, nâng cao năng suất lao động xưởng may mới, nâng cao hiệu quả sử dụng vải & sợi tồn kho đưa vào sản xuất ... góp phần nâng cao hiệu quả Công ty.



Trong hoạt động đối ngoại, luôn chú trọng quảng bá tên tuổi hình ảnh Thành Công để thu hút các đối tác, nhà đầu tư, khách hàng ... đầu tư và phát triển kinh doanh với Công ty

Duy trì mối quan hệ hợp tác với cơ quan Ngành Dệt May, các công ty & đối tác trong và ngoài nước ... để kết nối giúp đội ngũ cán bộ quản lý các cấp nắm bắt kịp thời thông tin thị trường trong và ngoài nước, học hỏi kinh nghiệm trong Ngành nghề, phát triển kiến thức chuyên môn cũng như kiến thức hội nhập, đóng góp hiệu quả hơn vào sự phát triển Công ty.

Năm 2019 được dự báo thách thức khó khăn hơn nhiều so với năm 2018, kinh tế toàn cầu đang chậm lại; chiến tranh thương mại Mỹ - Trung còn tiếp diễn chưa có điểm dừng và đang tác động giảm cầu hàng hóa trên thị trường; những thị trường lớn Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc được dự báo có mức tăng trưởng dệt may giảm thấp hơn so với mức tăng trưởng năm 2018. Ngành Dệt May tiếp tục những khó khăn, hạn chế... nhưng vẫn có các cơ hội, lợi thế về tiêu chuẩn môi trường, nhà xưởng tốt..., lực lượng lao động trẻ năng động, khéo tay so với một số nước trong khu vực; cơ hội từ Hiệp định CP TPP, EVFTA với các thị trường tiềm năng đến gần. Và Công ty với kinh nghiệm hoạt động thực tiễn đã hiểu rõ các tồn tại cần khắc phục và những thế mạnh tiếp tục phát huy; với một tập thể cán bộ công nhân viên luôn nỗ lực hoàn thành tốt các công việc, có tinh thần đổi mới mạnh mẽ vì lợi ích và sự phát triển Công ty...

Tập trung tìm kiếm thông tin về thị trường, diễn tiến các FTA ... nhằm đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, đơn hàng mới, đặc biệt nắm bắt cơ hội từ các Hiệp định CP TPP, EVFTA phát triển khách hàng từ những thị trường mới tiềm năng EU, Canada, Úc v.v...

Tăng cường quản lý, theo dõi chặt chẽ hoạt động Công ty thông qua chế độ cung cấp thông tin từ Ban điều hành và có biện pháp hỗ trợ kịp thời.

Hoàn chỉnh cơ cấu Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán theo qui định mới về quản trị doanh nghiệp áp dụng đối với công ty đại chúng niêm yết.

Thường xuyên cập nhật, soát xét Qui chế quản trị nội bộ và nâng cao hiệu quả quản trị Công ty theo qui định pháp luật.

Về đối ngoại



Tiếp tục xây dựng mối quan hệ tốt với các cấp lãnh đạo Trung ương, Thành phố, Tỉnh và các cấp Sở Ban Ngành ... nhằm nắm bắt tình hình kinh tế - xã hội, tìm kiếm cơ hội và sự hỗ trợ cho hoạt động Công ty.

Chú trọng tìm kiếm đối tác tiềm năng cho hợp tác đầu tư mới; mở rộng năng lực sản xuất, đáp ứng nhanh nhu cầu thị trường; các nguồn vốn cho dự án đầu tư đã có kế hoạch; mở rộng thị trường mới và phát triển khách hàng ...



05 BÁO CÁO CỦA
BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các công việc đã thực hiện trong năm 2018

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, ngày 03/7/2018 Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định thành lập Ủy ban kiểm toán gồm 2 thành viên HĐQT không điều hành gồm ông Kim Dong Ju-Trưởng Ủy ban và bà Phan Thị Huệ- Thành viên.

- Năm 2018, Thành viên Ủy ban kiểm toán đã tích cực tham gia chương trình đào tạo do Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh kết hợp Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD) tổ chức, đồng thời kết hợp với việc gặp gỡ tiếp xúc các chuyên gia trong hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm tìm hiểu, học tập mô hình hoạt động thực tế cũng như tiếp cận thông lệ, chuẩn mực hoạt động của ủy ban kiểm toán để chuẩn bị cho hoạt động chính thức sau khi hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức của Ủy ban kiểm toán.

- Bước đầu Công ty đã thành lập Phòng Kiểm toán nội bộ, đây là bộ phận sẽ hỗ trợ tích cực cho hoạt động của Ủy ban kiểm toán thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.

- Ủy ban kiểm toán đã thực hiện dự thảo quy chế hoạt động và dự kiến trình HĐQT xem xét thông qua trong cuộc họp HĐQT quý 1/2019 dự kiến tổ chức vào cuối tháng 4/2019.

- Ủy ban kiểm toán đã tích cực thực hiện tìm kiếm ứng viên đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT để trình cổ đông xem xét nhằm hoàn thiện cơ cấu của Ủy ban kiểm toán. Kết quả đã đề xuất được 2 ứng viên để Đại hội cổ đông năm 2019 tiến hành bầu cử.



Kế hoạch hoạt động 2019

Trên cơ sở các bước chuẩn bị trong năm 2018 nêu trên, Ủy ban kiểm toán đề ra kế hoạch hoạt động trong năm 2019 như sau:

- Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức của Ủy ban kiểm toán và trình Đại hội cổ đông thường niên 2019 phê duyệt.
- Hoàn chỉnh quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình HĐQT thông qua để làm cơ sở hoạt động.
- Xây dựng chương trình làm việc, phân công trách nhiệm thành viên sau khi Đại hội cổ đông thường niên 2019 kết thúc. Chương trình, phân công cụ thể sẽ trình HĐQT xem xét thông qua.
- Tiến hành triển khai các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình theo Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.
- Tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo về ủy ban kiểm toán để hoàn thiện nội dung hoạt động, từng bước nâng cao hiệu quả hỗ trợ HĐQT trong việc quản trị Công ty.

06 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng khối lượng vật liệu thô được sử dụng để sản xuất kinh doanh trong năm

STT	Sản phẩm/ Dịch vụ	Vật liệu thô dùng trong Sản phẩm/Dịch vụ	Tổng khối lượng/ trọng lượng (ĐVT: Tấn)	Nhà cung cấp		Khả năng tái chế	
				Bên ngoài	Nội bộ	Có thể	Không thể
1	Sợi	Bông, xơ	11.200	X	X	X	
2	Vải mịch Đan	Sợi	10.300	X	X		X
3	Vải mịch Dệt	Sợi	2.600	X	X		X
4	Vải thành phẩm	Vải mịch	12.900		X		X
5	Áo	Vải TP	7.700	X	X		X

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế để sử dụng

STT	Loại Nguyên vật liệu	Tổng khối lượng sử dụng (ĐVT : Tấn)	Khối lượng sử dụng được tái chế (ĐVT: Tấn)	Tỷ lệ Khối lượng được tái chế/Tổng khối lượng sử dụng (%)
1	Bông, xơ	11.200	336	3%
	Tổng cộng	11.200	336	3%

TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRỰC TIẾP

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	2018
1	Dầu DO (đơn vị Lit)+B28	
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	192.898
2	Xăng (đơn vị Lit)	
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	94.396
3	Than đá (đơn vị Tấn)	
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	17.843,2
4	Gaz (đơn vị Kg)	
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	3.825
5	Điện (kw)	
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	35.863.703

Các phương án tiết kiệm năng lượng

Công ty tiến hành lắp đặt biến tần cho máy nén khí Xưởng Nhuộm: Máy nén khí hoạt động theo chế độ On-Off dù không có nhu cầu sử dụng khí nhưng motor chính của máy vẫn hoạt động liên tục. Lắp đặt biến tần cho motor máy nén khí nhằm điều tiết tự động mức cấp khí cho sản xuất tránh máy hoạt động không tải. Cụ thể:

- Mức tiết kiệm NL 73.200 kw
- Mức tiết kiệm NL 10 (%)
- Tiết kiệm chi phí 109,8 (triệu đồng)
- Lợi ích khác: Tăng tuổi thọ máy nén

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước

STT	Loại Nguyên vật liệu	Tổng khối lượng sử dụng (ĐVT : Lít)
1	Nước mua khu công nghiệp	95.956.000
2	Nước khai thác dưới đất	1.123.600.000
Tổng cộng		1.219.556.000

Lượng nước được tái chế sử dụng

STT	Các nguồn nước	Tổng lượng nước được tái sử dụng/ tái chế
1	Nước thải xử lý tái sử dụng để vệ sinh thiết bị	41.759 m ³
Tổng cộng		41.759 m³

Tổng lượng nước sử dụng

STT	Loại hoạt động	Tổng lượng nước sử dụng (ĐVT: lít)
1	Ngành Nhuộm	1.087.087.000
2	Ngành May	54.349.000
3	Ngành Sợi	550.000
4	Ngành Dệt	16.086.000
5	Văn Phòng	12.229.000
6	Nhà ăn	14.356.000
7	Các công ty thuê	6.992.000
8	XLNT	20.385.000
9	Nước bay hơi của lò hơi ...	7.522.000
Tổng cộng:		1.219.556.000

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hiện nay, Công ty có tổng cộng 7.330 người lao động với thu nhập bình quân đạt 8,219 triệu đồng/người/tháng. Trong những năm qua, Công ty đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho hàng ngàn người lao động với chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Cùng với những chính sách lương, thưởng, phúc lợi hợp lý, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động nhằm hỗ trợ tốt nhất cho CBCNV, góp phần giúp họ ổn định cuộc sống, nâng cao tinh thần làm việc, hăng say lao động, từ đó tiếp tục gắn bó với Công ty.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty tiến hành đánh giá mỗi nguy hiểm, rủi ro tại từng vị trí công việc cụ thể. Từ đó có các biện pháp tương ứng, cung cấp bảo hộ lao động để giảm thiểu rủi ro, phòng tránh tai nạn lao động và giảm nguy cơ bệnh nghề nghiệp.

- Các bộ phận nguy hiểm của máy móc thiết bị đều có trang thiết bị bao che phù hợp.

- Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị, máy móc để đảm bảo vận hành tốt và an toàn.

- Kiểm tra định kỳ hàng tháng các vấn đề liên quan đến an toàn lao động để phát hiện và khắc phục kịp thời.

- Kiểm định định kỳ đối với các loại máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Tổ chức cho người lao động tham gia các khóa huấn luyện về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động theo đúng yêu cầu của pháp luật.

- Đào tạo nội bộ cho công nhân tân tuyển và đào tạo lặp lại định kỳ hàng năm để nâng cao nhận thức của công nhân về an toàn lao động, các tiêu chuẩn và nội quy Công ty.



- Cung cấp bữa ăn giữa ca đảm bảo vệ sinh, đủ dinh dưỡng đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

- Cung cấp nước uống sạch, đảm bảo vệ sinh, được kiểm nghiệm đầy đủ cho người lao động.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV, khám phụ khoa cho nữ công nhân viên nhằm theo dõi sức khỏe của người lao động, phát hiện và điều trị bệnh kịp thời.

- Mua Bảo hiểm tai nạn cho tất cả người lao động với mức bồi thường tối đa 20.000.000 đồng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Người lao động bị ốm đau, tai nạn phải nghỉ việc để điều trị từ 7 ngày trở lên được trợ cấp từ 300.000 đồng đến 600.000 đồng.
- Người lao động bị tai nạn, khó khăn đột xuất: nhà cửa bị hoả hoạn, do tai nạn lao động hoặc bệnh nan y được trợ cấp 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng.
- Trợ cấp từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng / trường hợp cho người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- Trợ cấp tang chế 6.000.000 đồng cho người lao động, kể cả người lao động đã nghỉ hưu.
- Trợ cấp 500.000 đồng/người cho người lao động có thân nhân (tứ thân phụ mẫu, vợ, chồng, con ruột) qua đời.
- Chi tiền mừng cưới 500.000 đồng cho người lao động làm việc trên 06 tháng kết hôn.
- Lao động nữ có con thứ nhất và thứ hai trong độ tuổi gửi nhà trẻ, mẫu giáo được trợ cấp 80.000 đồng/tháng/cháu.

- Chế độ tặng quà cho con người lao động vào dịp Lễ Quốc tế thiếu nhi : 60.000 đồng/cháu .
- Tặng quà cho lao động nữ nhân ngày 8/3 hoặc 20/10 : ít nhất 100.000 đồng/người
- Mừng sinh nhật cá nhân CBCNV 50.000 đồng/người/năm (trừ các cán bộ quản lý đã có chế độ riêng)
- Trợ cấp tiền xăng cho tất cả CBCNV 5,000 đồng/người/ngày làm việc
- Tiền thưởng Lễ 30/4 : ít nhất 200.000 đồng / người/năm
- Tiền mở máy đầu năm : ít nhất 200.000 đồng / người/năm
- Tiền mua quà tết nhân dịp Tết nguyên đán : ít nhất 100.000 đồng / người/năm
- Cấp kinh phí ít nhất 50.000 đồng/người để tổ chức bữa ăn tươi cuối năm cho CBCNV.



- Tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát tập thể hàng năm với chi phí ít nhất 800.000 đồng/người/năm.
- Tiền thưởng cuối năm: bao gồm tiền lương tháng 13 và tiền thưởng thành tích. Tiền thưởng thành tích căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty và mức độ hoàn thành công việc của người lao động.

Hàng năm Công ty trích Quỹ phúc lợi từ 10% đến 15% lợi nhuận giữ lại để duy trì chi phí thực hiện các chính sách phúc lợi cho cán bộ nhân viên Công ty. Riêng đối với thù lao HĐQT, hàng năm các thành viên HĐQT tự nguyện trích lại 10% để bổ sung nguồn quỹ thực hiện các hoạt động CSR của Công ty.

Ngoài ra, đối với các hoàn cảnh khó khăn đột xuất (tai nạn, bệnh tật), bên cạnh nguồn quỹ vận động cán bộ nhân viên quyên góp, Công ty cũng hỗ trợ chi phí giải quyết, chữa trị kịp thời.



Hoạt động đào tạo người lao động

STT	Phân loại	Số lượng CBCNV tham gia đào tạo	Số giờ đào tạo trung bình (ĐVT: Giờ/ Người)
1	Theo giới tính:		
	- Nam	457	1,14
	- Nữ	889	0,51
2	Theo hợp đồng lao động:		
	- Toàn thời gian	1346	0,35
	- Bán thời gian	0	
3	Theo trình độ:		
	- Đại học và trên Đại học	619	0,78
	- Cao đẳng	256	1,40
	- Phổ thông	471	1,01

Các chương trình đào tạo tiêu biểu trong năm 2018

1. Chương trình đào tạo "Thanh Cong Strategic Internship" định kỳ hàng năm: dành cho các bạn sinh viên mới ra trường, đào tạo đội ngũ nhân lực trẻ kế thừa;
2. Chương trình đào tạo kiến thức sản xuất cho nhân viên Sales;
3. Chương trình "Kỹ năng quản lý cấp trung": đào tạo kỹ năng thiết lập mục tiêu & lên kế hoạch để hoàn thành mục tiêu;
4. Chương trình "Hiệu suất lãnh đạo – Leadership coaching": hướng dẫn cách xác định điểm mạnh & điểm yếu, phương pháp cải thiện điểm yếu nhằm xác định phong cách lãnh đạo và nâng cao hiệu suất lãnh đạo dành cho cán bộ cấp trung - cao;
5. Các chương trình đào tạo kỹ năng: giao tiếp, talkshow...
6. Chương trình OJM (Off Job Meeting) cho CBQL và đội ngũ kế thừa: chia sẻ định hướng phát triển và kỳ vọng của Công ty, tạo điều kiện cho mọi người gắn kết và giao lưu với nhau, từ đó hỗ trợ và phối hợp tốt hơn trong công việc;
7. Chương trình đào tạo thường niên: Lớp huấn luyện sau Thăng cấp, đào tạo kiến thức luật lao động, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Anh.

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của Công ty không chỉ bảo đảm chất lượng tốt mà còn đảm bảo vệ sinh môi trường. Hướng tới hình ảnh của một Công ty thân thiện với môi trường, Công ty luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn, cụ thể:

- Công ty hiện đang vận hành hệ thống kiểm soát môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, đảm bảo việc kiểm soát các vấn đề môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất của Công ty.
- Chất lượng sản phẩm không ngừng được nâng cao, đảm bảo độ đồng đều và ổn định. Công ty đã được đáp ứng được yêu cầu và được công nhận

thỏa mãn tiêu chuẩn OEKO-TEX 100 đối với các sản phẩm của mình. Bên cạnh đó, Công ty còn vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn SQP (Supplier Qualification Program) nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng xuất khẩu.

Tất cả sản phẩm do Công ty sản xuất trong môi trường làm việc phù hợp với các yêu cầu về trách nhiệm xã hội và điều kiện lao động của pháp luật Việt Nam và các Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Công ty đã được cấp chứng nhận WRAP, đáp ứng các tiêu chuẩn SMETA đối với thành viên thuộc SEDEX cũng như tham gia chương trình Better Work do Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) kết hợp Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFO) triển khai nhằm đảm bảo tính tuân thủ về mặt trách nhiệm xã hội, tạo ra môi trường làm việc công bằng, hợp pháp và lành mạnh.



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG (TT)

Bên cạnh đó, Công ty không tham gia hay ủng hộ hành vi trái với các chuẩn mực về đạo đức kinh doanh, gây thiệt hại đối với môi trường. Cùng với quá trình phát triển sản xuất, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường. Về lâu dài, Công ty có kế hoạch di dời một số nhà máy đến các khu công nghiệp được quy hoạch cho ngành công nghiệp nhuộm, không ảnh hưởng đến khu vực dân cư xung quanh. Trước mắt, Công ty liên tục đầu tư và ứng dụng các chương trình nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và khói thải để đạt được sự ổn định và kết quả tốt hơn:

- Công ty tuân thủ các yêu cầu luật định và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường.

- Công ty tiếp tục duy trì hoạt động hệ thống xử lý nước thải và áp dụng các kỹ thuật hiện đại nhằm kiểm soát chặt chẽ tiêu chuẩn xả thải theo qui định pháp luật cũng như không gây ô nhiễm môi trường xung quanh. Ngoài ra, tất cả các lò đốt phục vụ các công đoạn sản xuất dệt - nhuộm - may khép kín đều được trang bị hệ thống thiết bị xử lý khói, bụi.



- Công tác kiểm soát, quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường được nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, giảm thiểu tác động đáng kể đến môi trường bằng các biện pháp:

+ Quá trình sản xuất luôn đảm bảo tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và nước sinh hoạt, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Công ty còn triển khai các giải pháp kỹ thuật nhằm sử dụng lại nước thải đã qua xử lý để tiết kiệm chi phí nước cấp, kiểm soát năng lực xả thải và nâng cao hiệu quả vận hành.

+ Công ty tích cực triển khai các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức cho toàn thể nhân viên thông qua đào tạo kiến thức về công tác bảo vệ môi trường, phát huy tinh thần sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, khuyến khích toàn thể nhân viên tái sử dụng trong quá trình sản xuất.

+ Chính sách bảo vệ môi trường của Công ty được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBCNV Công ty để mọi người thấu hiểu và đều có trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Với những nỗ lực trong suốt thời gian qua, Công ty chưa vi phạm bất kỳ quy định nào liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường. Công ty cam kết sẽ đem lại lợi ích cho cộng đồng, các cổ đông và cán bộ công nhân viên của Công ty, đồng thời cũng cam kết cung cấp sản phẩm, dịch vụ thỏa mãn yêu cầu, mong đợi về chất lượng và tạo giá trị cuộc sống tốt đẹp hơn cho mọi người.



TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Tại Thành Công, các chương trình trách nhiệm xã hội (CSR) là hoạt động cần thiết và tiên quyết đối với sự phát triển bền vững của Công ty, cũng như xu thế phát triển của các công ty toàn cầu. Trong năm 2018, những hoạt động thiết thực tiếp tục được triển khai và duy trì như sau:

Happy Mart - Cửa hàng phi lợi nhuận: là chương trình bán hàng không lợi nhuận dành cho người lao động của Công ty với thông điệp **“Yêu thương từ góc bếp”**, giá bán tại Happy Mart thấp hơn so với giá thị trường từ 20% - 30% nhờ việc tài trợ giá từ nguồn quỹ CSR, chương trình được thực hiện đều đặn mỗi thứ Sáu hàng tuần, 3 lần/tháng tại trụ sở Công ty hoặc tại các nhà máy trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, Tây Ninh vào các dịp đặc biệt. Trong năm 2018, Cửa hàng đã mở bán 36 buổi với tổng kinh phí hỗ trợ là 168.000.000 đồng cùng nhiều quà tặng khác.



Chương trình 10.000 Mẫu Nhiệm: trong năm 2018, chương trình đã hỗ trợ thêm được 4 trường hợp là CBCNV có hoàn cảnh khó khăn gặp tai nạn đột xuất hoặc mắc bệnh hiểm nghèo với tổng chi phí là 65.000.000đ. Đây là một chương trình mang tính nhân văn nhằm phát huy truyền thống tương thân, tương ái của CBCNV Công ty.



Bảo trợ Mái ấm Thiên Ân, Sơn Kỳ, Huỳnh Đệ Như Nghĩa trên địa bàn quận Tân Phú: nhằm san sẻ khó khăn và hỗ trợ phần nào chất lượng cuộc sống cho các em, Công ty tiếp tục duy trì các hoạt động bảo trợ định kỳ hàng tháng cho ba mái ấm mồ côi, khiếm thị. Hoạt động này diễn ra từ 2009 đến nay với kinh phí tài trợ trung bình 60.000.000 đồng/mái ấm/năm.



TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI (TT)



Trao học bổng cho học sinh, sinh viên: Với mục tiêu góp phần hỗ trợ học phí, khích lệ đồng viên tinh thần hiếu học, Quỹ học bổng Thành Công đã đến với nhiều trẻ em tại nhiều nơi, đặc biệt đối với trẻ em là con cán bộ nhân viên Công ty có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em tại các địa phương nơi Công ty hoạt động, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong nhiều năm qua. Riêng năm 2018, Công ty đã trao tặng gần 200 suất học bổng với tổng kinh phí là 294.000.000đ ... góp phần giúp các em thực hiện tiếp ước mơ đến trường, hướng tới một tương lai tươi sáng hơn.



Hoạt động chăm sóc sức khỏe, y tế: đây là một trong những hoạt động có ý nghĩa thiết thực, mang tới cơ hội chăm sóc sức khỏe quý giá cho các trẻ em mồ côi, khiếm thị được Công ty tổ chức hàng năm. Công ty định kỳ thực hiện khám sức khỏe hoặc cung cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng thường xuyên nhận bảo trợ từ Công ty.



Hiến máu nhân đạo: Với mong muốn duy trì và nhân rộng nghĩa cử hiến máu cao đẹp và mang nhiều ý nghĩa nhân văn trong cộng đồng, hàng năm, Công ty đều phát động phong trào hiến máu nhân đạo tại tất cả các đơn vị. Năm 2018, phong trào đón nhận sự tham gia của 294 nhân viên, 372 đơn vị máu đã được hiến tặng.

Hoạt động hỗ trợ cộng đồng: Vào các dịp Lễ, Tết, Công ty đã có những hỗ trợ thiết thực như nhu yếu phẩm, sản phẩm may của Công ty để trao tặng các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, người già neo đơn, nạn nhân chất độc da cam, trẻ mồ côi, các hộ nghèo tại khắp các địa phương nơi có hoạt động của các nhà máy sản xuất Vĩnh Long, Tây Ninh, Cần Giờ...

Hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ (NGO): Trong năm 2018, Công ty đã trao tặng 3.825 áo thun – sản phẩm do Công ty sản xuất, tương ứng khoản đóng góp 210.375.000 đồng.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Phan Thị Huệ	Chủ tịch HĐQT	26.460	0,05%
2	Nguyễn Minh Hào	Phó chủ tịch HĐQT	0	0%
3	Lee Eun Hong	Thành viên HĐQT	24.000	0,04%
4	Trần Như Tùng	Thành viên HĐQT	29	0%
5	Kim Dong Ju	Thành viên HĐQT	7	0%
6	Kim Soung Gyu	Thành viên HĐQT	0	0%

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Ban Kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị do mới thành lập trong giai đoạn tạm thời nên đang xây dựng điều lệ, chương trình hành động và dự kiến trình HĐQT trong cuộc họp quý 1/2019 để có cơ sở thực hiện.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, các chỉ đạo của HĐQT tập trung chủ yếu trong lĩnh vực giám sát việc Ban điều hành triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh căn cứ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT đồng thời xây dựng chiến lược, định hướng phát triển Công ty và giữ vai trò đảm bảo hài hòa các mối quan hệ đối ngoại đặc biệt đối với các tổ chức, hiệp hội cùng ngành nghề và các cơ quan nhà nước hữu quan. Cụ thể:

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc được thực hiện theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị Công ty. Tại các phiên họp thường kỳ, HĐQT đã yêu cầu Ban Tổng giám đốc báo cáo về mọi mặt hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT cũng yêu cầu Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ và khi có yêu cầu.

Tổng giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT, ngoài ra HĐQT còn có 02 thành viên tham gia

điều hành nên công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc trong việc tuân thủ các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ và HĐQT được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo Tổng giám đốc không lạm quyền, không vượt quá phạm vi thẩm quyền theo Điều lệ Công ty và qui định pháp luật.

Ngày 03/7/2018, HĐQT quyết định thành lập Ủy ban kiểm toán theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của HĐQT và nâng cao chất lượng quản lý hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự buổi họp	Lý do không tham dự họp
1	Phan Thị Huệ	Chủ tịch	29/04/2011	9/9	100%	
2	Nguyễn Minh Hào	Phó Chủ tịch	17/04/2010	9/9	100%	
3	Lee Eun Hong	Thành viên	25/04/2009	9/9	100%	
4	Kim Dong Ju	Thành viên	26/04/2013	7/9	77,78%	Bận công tác và đã ủy quyền cho người khác họp thay
5	Trần Như Tùng	Thành viên	29/04/2011	9/9	100%	
6	Kim Soung Gyu	Thành viên	4/8/2016	8/9	88,89%	Bận công tác và đã ủy quyền cho người khác họp thay



Hoạt động của Hội đồng quản trị (tt)

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2018

STT	NGHI QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/2018/NQ-HĐQT	11/01/2018	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng là ngày 21 tháng 2 năm 2018 nhằm tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2018; và thanh toán đợt 1 – cổ tức năm 2017
2	02/2018/NQ-HĐQT	22/01/2018	Thông qua việc giải thể chi nhánh XS3- Đức Hòa, Long An; thành lập chi nhánh Vĩnh Long-KCN Hòa Phú
3	03/2018/NQ-HĐQT	14/03/2018	Thông qua kết quả hoạt động 2017 (đã kiểm toán) và bổ nhiệm ông Lee Eun Hong giữ chức vụ TGD nhiệm kỳ 2018 - 2021
4	04/2018/NQ-HĐQT	14/03/2018	Thông qua nội dung nghị sự đại hội cổ đông thường niên 2018
5	05/2018/NQ-HĐQT	06/04/2018	Bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2018-2019
6	06/2018/NQ-HĐQT	06/04/2018	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu thường đã được ĐHCĐ thường niên 2018 phê duyệt
7	07/2018/NQ-HĐQT	03/07/2018	Thông qua việc từ nhiệm chức vụ PTGD của ông Lee Dong Seok; thư đề cử ứng viên HĐQT của cổ đông Eland Asia Holdings; và giao dịch nội bộ với công ty TNHH Eland VN
8	08/2018/NQ-HĐQT	03/07/2018	Thông qua việc chọn công ty kiểm toán năm 2018; gia hạn tiến độ dự án Vĩnh Long; và hạn mức tín dụng với ngân hàng quân đội (MB).
9	09/2018/NQ-HĐQT	12/09/2018	Thông qua việc giải thể công ty con – Công ty cổ phần Thành Quang
10	10/2018/NQ-HĐQT	19/09/2018	Thông qua việc chào mua công khai cổ phần SAV
11	11/2018/NQ-HĐQT	01/10/2018	Thông qua việc gia hạn chức năng cho thuê nhà xưởng dư thừa để điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư tại KCN Tân Bình
12	12/2018/NQ-HĐQT	01/10/2018	Thông qua việc thành lập địa điểm kinh doanh – Xưởng may Trảng Bàng

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập : không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý cấp cao có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Nguyễn Minh Hào, Phan Thị Huệ, Nguyễn Tự Lực, Nguyễn Hữu Tuấn, Huỳnh Thị Thu Sa.

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý và Thư ký Công ty đã tham gia khoá đào tạo về Công bố thông tin theo Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN ngày 12/01/2017 gồm: Phan Thị Huệ, Huỳnh Thị Thu Sa.

Ngoài ra, Công ty cũng tham dự đầy đủ các chương trình tập huấn về quản trị công ty do Ủy ban chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Sáng kiến quản trị công ty Việt Nam (VCGI) tổ chức trong năm 2018.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và Tên	Năm 2018		
		Lương (VND/năm)	Thưởng (VND/năm)	Thù lao (VND/năm)
I	Hội đồng quản trị			
1	Bà Phan Thị Huệ	578.553.769	46.673.077	144.551.647
2	Ông Kim Dong Ju	2.327.866.497	329.792.192	-
3	Ông Lee Eun Hong	3.687.110.013	-	96.367.765
4	Bà Nguyễn Minh Hào	1.037.320.323	189.213.157	96.367.765
5	Ông Trần Như Tùng	791.267.459	129.826.923	96.367.765
6	Ông Lee Dong Seok	423.860.438	-	40.156.447
7	Ông Lee Woo Hae	1.446.165.623	53.987.293	56.211.316
8	Ông Kim Soung Gyu	302.533.333	-	96.367.765
II	Ban kiểm soát			
1	Ông Nguyễn Tự Lực	-	-	12.940.540
2	Ông Choi Haeoi	-	-	9.729.730
3	Ông Nguyễn Hữu Tuấn	949.945.280	144.834.556	9.729.730

Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phan Thị Huệ	Chủ tịch HĐQT	26.460	0,05%	
2	Kim Dong Ju	Thành viên HĐQT	7	0,00%	
3	Lee Eun Hong	Thành viên HĐQT	24.000	0,04%	
3.1	Công ty E-land Asia Holdings Pre.,Ltd		23.451.054	43,24%	Tổ chức liên quan của người nội bộ
4	Trần Như Tùng	Thành viên HĐQT kiêm TP Đầu tư & IR	29	0,00%	

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty. Đồng thời HĐQT cũng rất quan tâm đến các chương trình tập huấn để nâng cao hiệu quả quản trị do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

HĐQT đã bổ nhiệm nhân sự phụ trách quản trị Công ty để tập trung hỗ trợ HĐQT trong việc tuân thủ các qui định về quản trị cũng như tiếp cận các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về quản trị để nâng cao hơn nữa hiệu quả quản trị nhằm tăng giá trị Công ty đối với cổ đông, nhà đầu tư.



Charts

Duis aute irure.



Quia dolor sit.



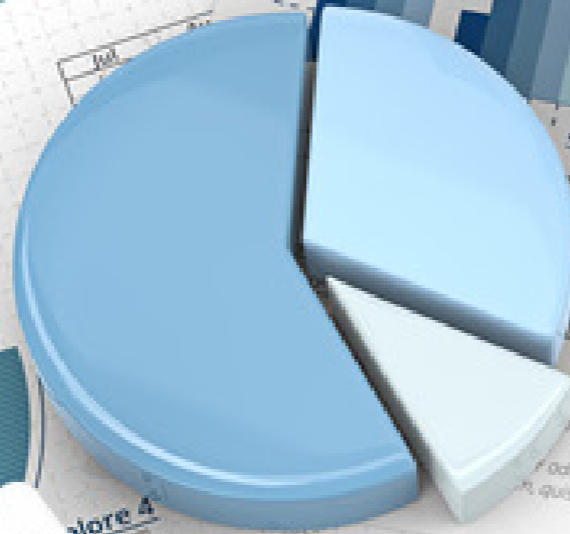
Dolor 2

quis nostrum exercitationem ullam corporis



Dolor 1

quis nostrum exercitationem ullam corporis



Mar	Apr	May	Jun
1,0	2,0	18,0	1,0
3,0	1,0	16,0	7,0
4,0	3,0	10,0	8,0
13,0	7,0	3,0	0,0
11,0	0,0	0,0	0,0



08 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Phan Thị Huệ	Chủ tịch
Bà Nguyễn Minh Hào	Phó Chủ tịch
Ông Kim Dong Ju	Thành viên
Ông Lee Eun Hong	Thành viên
Ông Trần Như Tùng	Thành viên
Ông Kim Soung Gyu	Thành viên
Ông Lee Dong Seok	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2018)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Kim Dong Ju	Trưởng Ủy ban (bổ nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2018)
Bà Phan Thị Huệ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2018)

Ban Giám Đốc

Ông Lee Eun Hong	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2018)/ Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2018)
Ông Kim Dong Ju	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2018)
Ông Lee Dong Seok	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám Đốc,



Lee Eun Hong
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 3 năm 2019, từ trang 3 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Bùi Văn Trịnh
 Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1808-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
 Ngày 18 tháng 3 năm 2019
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Thị Thanh Huyền
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 3026-2019-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.893.146.267.570	1.606.527.187.010
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	216.257.327.777	130.484.287.864
1. Tiền	111		53.557.327.777	60.784.287.864
2. Các khoản tương đương tiền	112		162.700.000.000	69.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		202.565.000.000	151.125.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	202.565.000.000	151.125.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		279.886.766.584	475.027.821.634
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	331.902.354.506	434.092.110.737
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	18.375.503.732	18.268.669.208
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	1.850.301.999	1.850.301.999
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	6.015.999.866	6.780.733.184
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(85.220.429.559)	(4.415.925.534)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	11	6.963.036.040	18.451.932.040
IV. Hàng tồn kho	140	12	1.138.024.436.123	805.789.570.715
1. Hàng tồn kho	141		1.158.631.259.768	824.267.404.066
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.606.823.645)	(18.477.833.351)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		56.412.737.086	44.100.506.797
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.006.003.756	6.355.212.835
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		52.406.733.330	37.673.612.740
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	71.681.222
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.354.179.751.084	1.428.854.529.837
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	5.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		5.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.107.112.219.286	1.184.941.150.517
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	686.696.578.240	677.043.927.517
- Nguyên giá	222		1.253.493.396.982	1.336.752.438.749
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(566.796.818.742)	(659.708.511.232)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	231.878.254.353	283.613.765.781
- Nguyên giá	225		293.496.808.807	319.980.461.459
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(61.618.554.454)	(36.366.695.678)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	188.537.386.693	224.283.457.219
- Nguyên giá	228		216.303.932.676	248.999.633.116
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.766.545.983)	(24.716.175.897)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	4.748.916.926	4.870.592.078
- Nguyên giá	231		4.880.731.674	4.880.731.674
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(131.814.748)	(10.139.596)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		38.994.448.896	11.865.544.269
1. Chi phí sản xuất dở dang dài hạn	241		9.787.981.585	9.787.981.585
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	29.206.467.311	2.077.562.684
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		66.677.385.040	101.395.112.432
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	18	61.938.835.040	96.656.562.432
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	5.827.050.000	5.827.050.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	19	(1.088.500.000)	(1.088.500.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		136.641.780.936	125.777.130.541
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	20	111.595.867.297	115.795.933.126
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	21	25.045.913.639	9.981.197.415
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.247.326.018.654	3.035.381.716.847


10-04 HẠN 3 TỶ NHƯ HẾT NAI .HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.970.927.570.370	1.963.763.452.884
I. Nợ ngắn hạn	310		1.701.087.853.546	1.626.471.053.681
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	299.909.844.746	292.080.698.232
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	176.615.875.095	159.981.822.556
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24	24.175.462.165	11.143.624.996
4. Phải trả người lao động	314		93.239.085.981	102.321.638.321
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.352.038.944	12.699.977.913
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	25	16.064.301.807	14.276.795.179
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26	1.007.707.771.514	968.875.818.425
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		79.023.473.294	65.090.678.059
II. Nợ dài hạn	330		269.839.716.824	337.292.399.203
1. Phải trả dài hạn khác	337	27	19.037.787.090	19.045.340.090
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	28	222.135.578.026	293.549.046.976
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	29	28.666.351.708	24.698.012.137
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.276.398.448.284	1.071.618.263.963
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.276.398.448.284	1.071.618.263.963
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	30	542.300.550.000	516.538.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		542.300.550.000	516.538.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	30	22.720.075.000	22.720.075.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	30	(5.939.990.000)	(5.939.990.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	30	259.454.164.692	198.272.573.290
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	30	42.848.776.237	33.152.526.267
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	30	406.489.441.710	299.078.734.166
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		147.357.327.563	107.312.393.032
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		259.132.114.147	191.766.341.134
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	31	8.525.430.645	7.796.055.240
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.247.326.018.654	3.035.381.716.847


 Phạm Thị Thanh Thủy
 Người lập



 Nguyễn Minh Hào
 Kế toán trưởng


 Lee Eun Hong
 Tổng Giám đốc
 Ngày 18 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.664.444.938.573	3.209.691.590.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.434.220.386	620.822.433
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	34	3.662.010.718.187	3.209.070.767.567
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	35	2.983.239.599.733	2.706.189.376.661
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		678.771.118.454	502.881.390.906
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	31.910.214.044	26.019.617.404
7. Chi phí tài chính	22	38	89.470.564.130	71.451.549.983
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		51.903.106.747	47.846.984.986
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24	18	1.101.784.438	(4.760.253.492)
9. Chi phí bán hàng	25	39	143.797.019.977	112.226.055.046
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	39	230.042.701.865	147.568.972.745
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		248.472.830.964	192.894.177.044
12. Thu nhập khác	31	40	75.594.581.588	46.403.868.901
13. Chi phí khác	32	41	638.018.765	4.146.553.174
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		74.956.562.823	42.257.315.727
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		323.429.393.787	235.151.492.771
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	42	78.055.995.578	44.495.502.882
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	42	(15.062.240.587)	(1.960.123.571)
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		260.435.638.796	192.616.113.460
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		259.132.114.147	191.766.341.134
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	31	1.303.524.649	849.772.326
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	44	4.069	3.011


 Phạm Thị Thanh Thủy
 Người lập



 Nguyễn Minh Hào
 Kế toán trưởng


 Lee Eun Hong
 Tổng Giám đốc
 Ngày 18 tháng 3 năm 2019




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.664.444.938.573	3.209.691.590.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.434.220.386	620.822.433
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	34	3.662.010.718.187	3.209.070.767.567
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	35	2.983.239.599.733	2.706.189.376.661
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		678.771.118.454	502.881.390.906
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	31.910.214.044	26.019.617.404
7. Chi phí tài chính	22	38	89.470.564.130	71.451.549.983
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		51.903.106.747	47.846.984.986
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24	18	1.101.784.438	(4.760.253.492)
9. Chi phí bán hàng	25	39	143.797.019.977	112.226.055.046
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	39	230.042.701.865	147.568.972.745
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		248.472.830.964	192.894.177.044
12. Thu nhập khác	31	40	75.594.581.588	46.403.868.901
13. Chi phí khác	32	41	638.018.765	4.146.553.174
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		74.956.562.823	42.257.315.727
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		323.429.393.787	235.151.492.771
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	42	78.055.995.578	44.495.502.882
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	42	(15.062.240.587)	(1.960.123.571)
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		260.435.638.796	192.616.113.460
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		259.132.114.147	191.766.341.134
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	31	1.303.524.649	849.772.326
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	44	4.069	3.011


 Phạm Thị Thanh Thủy
 Người lập


 Nguyễn Minh Hào
 Kế toán trưởng


 Lee Eun Hong
 Tổng Giám đốc
 Ngày 18 tháng 3 năm 2019




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	323.429.393.787	235.151.492.771
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	78.237.565.951	106.159.907.651
Các khoản dự phòng (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	82.933.494.319	6.981.072.852
	04	(344.442.532)	1.444.299.832
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(57.993.996.817)	(36.716.147.558)
Chi phí lãi vay	06	51.903.106.747	47.846.984.986
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	478.165.121.455	360.867.610.534
Thay đổi các khoản phải thu	09	81.227.915.413	(26.555.490.690)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(334.363.855.702)	(100.195.795.013)
Thay đổi các khoản phải trả	11	901.192.018	143.831.849.312
Thay đổi chi phí trả trước	12	851.245.113	5.824.670.383
Tiền lãi vay đã trả	14	(59.314.663.292)	(47.262.752.232)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(65.756.688.579)	(43.080.592.193)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	70.246.203	1.048.587.500
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.663.135.943)	(8.548.555.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	86.117.376.686	285.929.532.301
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(66.391.050.567)	(93.407.332.762)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	104.261.767.044	81.771.541.775
3. Tiền chi đầu tư các hợp đồng tiền gửi	23	(50.000.000.000)	(146.705.000.000)
4. Tiền thu hồi từ đầu tư các hợp đồng tiền gửi	24	-	25.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(24.417.907.960)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	100.191.540.000	4.996.560.000
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.919.060.796	7.533.953.792
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	79.563.409.313	(120.810.277.195)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.949.888.283.763	2.537.271.414.929
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.960.163.983.111)	(2.585.723.204.045)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(43.336.196.498)	(49.595.833.263)
4. Cổ tức đã trả	36	(26.169.704.900)	(32.946.253.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(79.781.600.746)	(130.993.876.329)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	85.899.185.253	34.125.378.777
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	130.484.287.864	96.377.125.372
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(126.145.340)	(18.216.285)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	216.257.327.777	130.484.287.864


 Phạm Thị Thanh Thủy
 Người lập


 Nguyễn Minh Hào
 Kế toán trưởng


 Lee Eun Hong
 Tổng Giám đốc
 Ngày 18 tháng 3 năm 2019



Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Các công ty con				
Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	70,94	70,94	Cung cấp dịch vụ y tế, mua bán dược phẩm và trang thiết bị y tế
Công ty Cổ phần Thành Quang (i)	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	98,56	98,56	Kinh doanh hạ tầng cơ sở, sản xuất và mua bán vải sợi
Công ty TNHH TC Tower	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	85,33	85,33	Hoạt động kinh doanh bất động sản
Các công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thành Phúc	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	23,79	23,79	Xây dựng và quản lý dự án
Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu	Bà Rịa, TP. Vũng Tàu	30,00	30,00	Cung cấp các dịch vụ du lịch và giải trí
Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế Xuất nhập khẩu Savimex (ii)	Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	20,42	20,42	Sản xuất và kinh doanh chế biến gỗ, xuất nhập khẩu, xây dựng và trang trí nội thất

Tại ngày của báo cáo này, Công ty Cổ phần Thành Quang, Công ty TNHH TC Tower, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thành Phúc và Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

(i) Quyết định của Hội đồng Quản trị số 9A/2018/QĐ-HĐQT ngày 12 tháng 9 năm 2018 đã thông qua việc giải thể Công ty Cổ phần Thành Quang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty Cổ phần Thành Quang vẫn đang trong quá trình làm thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật hiện hành.

(ii) Quyết định của Hội đồng Quản trị số 10A/2018/QĐ-HĐQT ngày 19 tháng 9 năm 2018 đã thông qua việc chào mua công khai cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex. Tại ngày 22 tháng 11 năm 2018, Công ty đã mua thành công 2.711.474 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 20,42%.

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2017/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 10 năm 2017 đã phê duyệt việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công. Tại ngày 21 tháng 6 năm 2018, Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công.

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2017/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 10 năm 2017 đã phê duyệt việc giải thể Công ty TNHH MTV TC E.Land. Tại ngày 16 tháng 11 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc giải thể Công ty TNHH MTV TC E.Land.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày tại Thuyết minh số 31) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Khi bán công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3,5 - 23
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 15
Tài sản khác	4 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giấy phép bản quyền và phần mềm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất từ 15 đến 50 năm. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao. Giấy phép bản quyền và phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 8 năm.

10-0
H
T
M
H
T
N
H

12-C
H
T
M
H
T
N
H

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính là máy móc và thiết bị được khấu hao trong khoảng thời gian từ 7 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm tòa nhà cho thuê do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Tòa nhà cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính từ 34 đến 50 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Nhị Xuân - Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Khu công nghiệp Trảng Bàng - Tỉnh Tây Ninh và Khu công nghiệp Hòa Phú - Tỉnh Vĩnh Long, công cụ dụng cụ đã xuất dùng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định và các khoản trả trước dài hạn khác. Tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 45 đến 58 năm. Công cụ dụng cụ và các khoản trả trước dài hạn khác được phân bổ không quá 3 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Phân chia cổ tức cho các cổ đông của Công ty mẹ và các công ty con được ghi nhận như là khoản công nợ trên báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông của Công ty mẹ và các công ty con.

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và Điều lệ của các công ty con và các quy định pháp lý của Việt Nam.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành và được mua lại bởi chính Công ty mẹ, nhưng nó không bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Các cổ phiếu quỹ do Công ty mẹ nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia chia phần tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán.

Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.109.455.345	571.540.680
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.447.872.432	60.212.747.184
Các khoản tương đương tiền	162.700.000.000	69.700.000.000
	216.257.327.777	130.484.287.864

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn sáu tháng tại các ngân hàng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu các bên thứ ba		
- Sears, Roebuck and Co	63.860.415.884	13.752.074.198
- Eddie Bauer LLC	79.567.606.504	44.227.196.348
- Kmart Corporation	37.083.935.994	46.909.497.334
- Các khách hàng khác	66.281.601.482	113.146.284.489
	246.793.559.864	218.035.052.369
b. Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 46)	85.108.794.642	216.057.058.368
	331.902.354.506	434.092.110.737

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Khoản trả trước cho người bán ngắn hạn chủ yếu bao gồm khoản trả trước cho Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Kinh Bắc với số tiền 14.961.587.411 đồng để đền bù giải phóng mặt bằng cho dự án "Khu du lịch Big Bear" tại huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận và các khoản trả trước cho các nhà cung cấp khác.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản tiền cho bên thứ ba vay vào năm 2006. Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn này được trích lập dự phòng toàn bộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo chính sách kế toán của Công ty.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ký cược, ký quỹ	249.462.500	2.026.960.324
Phải thu về cổ tức	2.810.565.000	2.810.565.000
Eland World LTD	241.114.426	-
Phải thu khác	2.714.857.940	1.943.207.860
	6.015.999.866	6.780.733.184

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Sears, Roebuck and Co	63.860.415.884	(46.719.096.728)	13.752.074.198	-
Kmart Corporation	37.083.935.994	(31.951.459.797)	46.909.497.334	-
Công ty Cổ Phần Thành Chí	2.810.565.000	(2.133.947.500)	2.810.565.000	-
Các khoản nợ xấu khác	4.415.925.534	(4.415.925.534)	4.415.925.534	(4.415.925.534)
	108.170.842.412	(85.220.429.559)	67.888.062.066	(4.415.925.534)

11. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

Tài sản thiếu chờ xử lý chủ yếu là giá trị tài sản tồn thất trong vụ cháy kho vải xảy ra vào tháng 9 năm 2017. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với công ty bảo hiểm để xác định số tiền sẽ được đền bù.

12. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	36.155.442.313	-	27.132.157.352	-
Nguyên liệu, vật liệu	234.650.843.452	-	182.445.063.938	-
Công cụ, dụng cụ	3.087.529.501	-	1.563.059.357	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	211.435.272.430	-	232.718.112.757	-
Thành phẩm	627.790.144.829	(20.606.823.645)	356.244.242.396	(18.477.833.351)
Hàng hóa	3.435.423.504	-	1.338.093.372	-
Hàng gửi bán	42.076.603.739	-	22.826.674.894	-
	1.158.631.259.768	(20.606.823.645)	824.267.404.066	(18.477.833.351)

Thay đổi trong khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày đầu năm	18.477.833.351	10.838.413.549
Trích lập trong năm	2.128.990.294	7.639.419.802
Tại ngày cuối năm	20.606.823.645	18.477.833.351

Như trình bày tại Thuyết minh số 26, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	417.080.220.974	716.736.252.403	26.038.706.895	24.424.808.958	152.472.449.519	1.336.752.438.749
Tăng trong năm	200.000.000	2.934.555.000	2.840.075.090	252.004.000	431.818.182	6.658.452.272
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	51.459.690.520	18.124.079.820	-	1.394.452.553	15.761.159.099	86.739.381.992
Kết chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	36.749.061.529	-	-	-	36.749.061.529
Thanh lý	(20.454.984.900)	(158.287.757.498)	(2.331.939.154)	(988.964.376)	(31.342.291.632)	(213.405.937.560)
Số dư cuối năm	448.284.926.594	616.256.191.254	26.546.842.831	25.082.301.135	137.323.135.168	1.253.493.396.982
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	125.623.035.790	403.320.073.390	14.132.485.214	11.026.144.871	105.606.771.967	659.708.511.232
Khấu hao trong năm	9.345.403.719	43.374.121.490	2.488.621.762	2.552.357.333	7.738.934.728	65.499.439.032
Kết chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	10.209.892.151	-	-	-	10.209.892.151
Thanh lý	(4.280.619.535)	(131.204.171.011)	(2.033.561.677)	(675.775.034)	(30.426.896.416)	(168.621.023.673)
Số dư cuối năm	130.687.819.974	325.699.916.020	14.587.545.299	12.902.727.170	82.918.810.279	566.796.818.742
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	291.457.185.184	313.416.179.013	11.906.221.681	13.398.664.087	46.865.677.552	677.043.927.517
Tại ngày cuối năm	317.597.106.620	290.556.275.234	11.959.297.532	12.179.573.965	54.404.324.889	686.696.578.240

Như trình bày tại Thuyết minh số 26 và 28, Công ty đã thế chấp nhà cửa và máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 276 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 182,7 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có giá trị là 228 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 332 tỷ đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

NGUYÊN GIÁ

Số dư đầu năm	319.980.461.459
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.253.108.877
Tăng khác	12.300.000
Kết chuyển qua tài sản cố định hữu hình	(36.749.061.529)
Số dư cuối năm	293.496.808.807

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư đầu năm	36.366.695.678
Khấu hao trong năm	35.461.750.927
Kết chuyển qua tài sản cố định hữu hình	(10.209.892.151)
Số dư cuối năm	61.618.554.454

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm	283.613.765.781
Tại ngày cuối năm	231.878.254.353

Máy móc,
thiết bị
VND

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bán quyền VND	Phần mềm VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	220.593.931.090	5.352.549.047	23.053.152.979	248.999.633.116
Tăng trong năm	-	-	38.500.000	38.500.000
Thanh lý	(31.683.595.678)	-	(1.050.604.762)	(32.734.200.440)
Số dư cuối năm	188.910.335.412	5.352.549.047	22.041.048.217	216.303.932.676
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	11.028.792.874	4.709.291.020	8.978.092.003	24.716.175.897
Khấu hao trong năm	446.062.470	482.443.521	3.172.468.857	4.100.974.848
Thanh lý	-	-	(1.050.604.762)	(1.050.604.762)
Số dư cuối năm	11.474.855.344	5.191.734.541	11.099.956.098	27.766.545.983
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	209.565.138.216	643.258.027	14.075.060.976	224.283.457.219
Tại ngày cuối năm	177.435.480.068	160.814.506	10.941.092.119	188.537.386.693

Như trình bày tại Thuyết minh số 26 và 28, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 8,5 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 8,8 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có giá trị là 7,5 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 8,6 tỷ đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Tòa nhà cho thuê VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm và cuối năm	4.880.731.674
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	10.139.596
Khấu hao trong năm	121.675.152
Số dư cuối năm	131.814.748
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	4.870.592.078
Tại ngày cuối năm	4.748.916.926

Như trình bày tại Thuyết minh số 26 và 28, Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4,7 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4,8 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày đầu năm	2.077.562.684	23.831.402.422
Tăng trong năm	132.255.948.203	90.827.556.428
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(86.739.381.992)	(67.468.500.002)
Kết chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	(10.253.108.877)	(25.717.110.817)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(9.630.480.178)
Kết chuyển khác	(8.134.552.707)	(9.765.305.169)
Tại ngày cuối năm	29.206.467.311	2.077.562.684

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các dự án chủ yếu như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.590.936.402	-
Mua sắm máy móc, thiết bị	19.661.914.894	1.599.653.593
Các dự án khác	953.616.015	477.909.091
	29.206.467.311	2.077.562.684

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	34.832.907.960	92.337.112.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	27.105.927.080	4.319.450.432
	61.938.835.040	96.656.562.432
Trừ: lợi thế thương mại	-	(6.384.523.879)
Phần tài sản thuần của Công ty đầu tư vào công ty liên kết	61.938.835.040	90.272.038.553
Tổng tài sản	545.173.706.253	360.304.523.003
Tổng công nợ	252.935.565.863	1.509.389.874
Tài sản thuần	292.238.140.390	358.795.133.129

Phần tài sản thuần của Công ty đầu tư vào công ty liên kết

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần	4.587.792.179	(20.371.569.749)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần của Công ty từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.101.784.438	(4.760.253.492)

19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dệt Việt Thăng	125.000.000	125.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may Thăng Lợi	1.576.000.000	1.576.000.000
Công ty Dệt may Huế	793.000.000	793.000.000
Công ty Cổ phần S.Y Vina	883.450.000	883.450.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.449.600.000	2.449.600.000
	5.827.050.000	5.827.050.000

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Dệt may Thăng Lợi

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thuần

20. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày đầu năm	115.795.933.126	141.918.475.336
Tăng trong năm	13.268.049.546	9.956.507.804
Phân bổ chi phí trong năm	(10.750.116.142)	(13.302.959.503)
Chi phí quyền thuê đất chuyển nhượng	(6.632.997.120)	(22.953.336.251)
Tăng khác	(85.002.113)	177.245.740
Tại ngày cuối năm	111.595.867.297	115.795.933.126

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thuê đất	97.878.794.258	105.441.113.961
Chi phí khác	13.717.073.039	10.354.819.165
	111.595.867.297	115.795.933.126

Như trình bày tại Thuyết minh số 26 và 28, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất ở xưởng may Vĩnh Long với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 63,7 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 65,1 tỷ) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

21. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản dự phòng và chi phí phải trả	22.788.666.892	7.703.830.460
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến đánh giá lại quyền sử dụng đất đi góp vốn	2.548.816.238	2.548.816.238
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(291.569.491)	(271.449.283)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.045.913.639	9.981.197.415

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản lãi dự thu	291.569.491	271.449.283
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(291.569.491)	(271.449.283)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-

22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả các bên thứ ba		
Tianweini (Shanghai) Trade Co., Ltd.	10.215.493.592	29.667.773.387
Kyung-In Synthetic Corporation	21.236.209.125	18.846.030.473
Các nhà cung cấp khác	213.303.737.421	227.155.141.157
	244.755.440.138	275.668.945.017
b. Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 46)	55.154.404.608	16.411.753.215
	299.909.844.746	292.080.698.232

Các khoản nợ phải trả người bán ngắn hạn đều có thể được thanh toán khi đến hạn.

23. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Major Pole Group Limited	-	19.669.695.000
Chiết khấu khoản phải thu	142.427.947.680	109.722.270.165
Các khách hàng khác	34.187.927.415	30.589.857.391
	176.615.875.095	159.981.822.556

Chiết khấu khoản phải thu thể hiện khoản chiết khấu phải thu tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất chiết khấu theo từng lần chiết khấu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.504.783.933	78.058.471.215	(65.756.688.579)	22.806.566.569
Thuế thu nhập cá nhân	425.055.286	19.804.069.015	(18.884.498.492)	1.344.625.809
Thuế giá trị gia tăng	213.785.777	7.613.441.622	(7.817.736.559)	9.490.840
Thuế nhà thầu	-	711.237.818	(696.458.871)	14.778.947
Thuế khác	-	904.435.967	(904.435.967)	-
	11.143.624.996	107.091.655.637	(94.059.818.468)	24.175.462.165

25. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Kinh phí công đoàn	2.528.499.380	1.604.839.830
Cổ tức phải trả	153.122.985	191.018.470
Ký cược, ký quỹ	10.037.876.750	9.206.702.732
Các khoản phải trả khác	3.344.802.692	3.274.234.147
	16.064.301.807	14.276.795.179

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND	Trong năm		Số đầu năm Giá trị /Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	913.917.530.156	2.969.989.446.795	2.946.956.163.650	890.884.247.011
SinoPac	37.979.446.318	76.090.278.352	38.110.832.034	-
Hồ Chí Minh Vietcombank Hồ Chí Minh	392.260.910.599	1.407.579.689.033	1.395.806.909.749	380.488.131.315
BIDV Hóc Môn	278.316.266.363	746.595.062.142	714.386.490.316	246.107.694.537
Vietinbank Hồ Chí Minh	100.557.995.553	634.590.514.487	785.797.792.988	251.765.274.054
VIB Chi nhánh FDI	-	-	12.523.147.105	12.523.147.105
MB Bắc Sài Gòn	104.802.911.323	105.133.902.781	330.991.458	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	93.790.241.358	96.747.778.512	80.949.108.568	77.991.571.414
Vay dài hạn đến hạn trả	49.807.067.792	50.991.979.083	36.102.566.273	34.917.654.982
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	43.983.173.566	45.755.799.429	44.846.542.295	43.073.916.432
	1.007.707.771.514	3.066.737.225.307	3.027.905.272.218	968.875.818.425



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Công ty có các hợp đồng tín dụng ngắn hạn để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Hạn mức tín dụng	Thời hạn tín dụng	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("Vietcombank Hồ Chí Minh")	600.000.000.000 đồng	1 năm	Tài sản cố định
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn ("BIDV Hóc Môn")	600.000.000.000 đồng	1 năm	Hàng tồn kho và Tài sản cố định
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("Vietinbank Hồ Chí Minh")	400.000.000.000 đồng	1 năm	Hàng tồn kho
Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("Sinopac Hồ Chí Minh")	3.000.000 Đô la Mỹ	1 năm	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn ("MB Bank Bắc Sài Gòn")	5.000.000 Đô-la Mỹ	6 tháng	Tín chấp
	5.000.000 Đô-la Mỹ	6 tháng	Hàng tồn kho

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn được xác định theo từng lần nhận nợ.

27. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả do cổ phần hóa	17.876.000.000	17.876.000.000
Nhận ký quỹ của khách hàng	1.161.787.090	1.169.340.090
	19.037.787.090	19.045.340.090

Phải trả do cổ phần hóa thể hiện khoản phải nộp vào Kho bạc Nhà nước cho giá trị tăng thêm khi định giá lại các lô đất mà Công ty được giao hoặc thuê tại thời điểm cổ phần hóa năm 2004. Theo báo cáo định giá tài sản ngày 28 tháng 9 năm 2005, trong số các lô đất, có 5 lô đất với tổng diện tích 36.716 m² đã được định giá lại. Khoản tiền này sẽ được trả khi Công ty hoàn tất việc chuyển giao quyền sử dụng đất sang tên Công ty.

28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Trong năm		Số đầu năm
		Tăng	Giảm	
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND	VND	VND	Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	143.163.241.392	1.347.112.060	51.035.415.522	192.851.544.854
Vietcombank Hồ Chí Minh	100.652.000.000	-	35.550.000.000	136.202.000.000
BIDV Hóc Môn	42.511.241.392	1.347.112.060	15.485.415.522	56.649.544.854
Nợ thuê tài chính dài hạn	78.972.336.634	22.728.828.835	44.453.994.323	100.697.502.122
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	78.972.336.634	22.728.828.835	44.453.994.323	100.697.502.122
	222.135.578.026	24.075.940.895	95.489.409.845	293.549.046.976

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các khoản vay dài hạn Công ty nhận được từ các ngân hàng trong nước cho mục đích đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản cố định, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn tín dụng
Vietcombank Hồ Chí Minh	0008/DTDA/15CD	140.202.000.000 VND	6 năm
BIDV Hóc Môn	01/2016/93435/HĐTD 01/2017/93435/HĐTD	83.231.000.000 VND 2.497.500 USD	7 năm 5 năm
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	72.15.04/CTTC 72.16.01/CTTC 72.16.02/CTTC 72.16.03/CTTC 72.16.04/CTTC 72.16.05/CTTC 72.16.06/CTTC 72.16.08/CTTC 72.16.10/CTTC 72.16.11/CTTC 72.16.12/CTTC 86.17.03/CTTC 86.17.04/CTTC 86.17.07/CTTC 67.18.14/CTTC 86.18.02/CTTC	275.200 USD 382.400 USD 239.760 USD 49.880.000 JPY 510.400 USD 348.000 USD 112.480 USD 72.000 CHF 313.968 USD 1.138.564 USD 523.200 USD 60.000.000.000 VND 413.800 USD 240.000 USD 332.000 USD 64.898.400 JPY	5 năm 5 năm 5 năm 5 năm 5 năm 5 năm 5 năm 5 năm 5 năm 5 năm 5 năm 4 năm 5 năm 2 năm 5 năm 5 năm

Các khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay. Lãi suất của các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính được xác định theo lãi suất Libor 6 tháng hoặc lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với một biên lãi suất cố định được quy định theo từng hợp đồng vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	49.807.067.792	34.917.654.982
Trong năm thứ hai	82.357.067.792	50.508.009.792
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	60.806.173.600	142.343.535.062
	192.970.309.184	227.769.199.836
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	49.807.067.792	34.917.654.982
Số phải trả sau 12 tháng	143.163.241.392	192.851.544.854

Nợ thuê tài chính dài hạn thể hiện các khoản thuê máy móc từ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính	134.180.063.066	164.822.127.229	122.955.510.200	143.771.418.554
Trong vòng một năm	50.216.095.800	39.853.462.747	43.983.173.566	31.796.157.167
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	83.963.967.266	124.968.664.482	78.972.336.634	111.975.261.387
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	11.224.553.036	21.050.708.752	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	122.955.510.030	143.771.418.477	122.955.510.200	143.771.418.554
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			43.983.173.566	43.073.916.432
Số phải trả sau 12 tháng			78.972.336.634	100.697.502.122

-00/
ANH TY
HU TT
NAI
HO

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

29. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập theo quy định hiện hành.

30. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Danh sách các cổ đông chính của Công ty mẹ nắm giữ 5% số lượng cổ phần trở lên và các cổ đông khác được chốt bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") tại ngày 27 tháng 02 năm 2019 và 21 tháng 02 năm 2018 như sau:

	Tại ngày 27/02/2019			Tại ngày 21/02/2018		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
E-Land Asia Holdings Pte Ltd	23.451.054	43,24	234.510.540.000	22.334.338	43,24	223.343.380.000
Khác	30.678.551	56,57	306.785.510.000	29.219.041	56,57	292.190.410.000
Cổ phiếu quỹ	100.450	0,19	1.004.500.000	100.450	0,19	1.004.500.000
	54.230.055	100	542.300.550.000	51.653.829	100	516.538.290.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đã phát hành	54.230.055	51.653.829
Số lượng cổ phiếu quỹ	100.450	100.450
Số lượng cổ phần đang lưu hành	<u>54.129.605</u>	<u>51.553.379</u>

Công ty mẹ chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09 -DN/HN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	491.999.510.000	22.720.075.000	(5.939.990.000)	171.151.233.610	27.438.003.113	200.906.214.470	908.275.046.193
Tăng vốn	24.538.780.000	-	-	-	-	-	24.538.780.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	191.766.341.134	191.766.341.134
Phân phối quỹ	-	-	-	27.121.339.680	5.714.523.154	(44.505.290.938)	(11.669.428.104)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(49.088.530.500)	(49.088.530.500)
Số dư đầu năm nay	516.538.290.000	22.720.075.000	(5.939.990.000)	198.272.573.290	33.152.526.267	299.078.734.166	1.063.822.208.723
Tăng vốn	25.762.260.000	-	-	-	-	-	25.762.260.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	259.132.114.147	259.132.114.147
Phân phối quỹ (i)	-	-	-	61.181.591.402	9.696.249.970	(100.182.457.103)	(29.304.615.731)
Cổ tức công bố (ii)	-	-	-	-	-	(51.538.949.500)	(51.538.949.500)
Số dư cuối năm nay	542.300.550.000	22.720.075.000	(5.939.990.000)	259.454.164.692	42.848.776.237	406.489.441.710	1.267.873.017.639

(i) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHCD ngày 06 tháng 4 năm 2018, các cổ đông Công ty đã phê duyệt kế hoạch trích lập cho quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với tỷ lệ lần lượt là 45%, 15% và 5% từ lợi nhuận sau thuế năm 2017.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHCD ngày 06 tháng 4 năm 2018, các cổ đông Công ty đã phê duyệt việc trả cổ tức năm 2017 với số tiền là 51.538.949.500 đồng tương đương 10% mệnh giá cổ phiếu, trong đó 5% mệnh giá cổ phiếu bằng tiền và 5% mệnh giá cổ phiếu bằng cổ phiếu thưởng.

Theo Quyết định số 213/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 6 năm 2018, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận việc phát hành cổ phần tăng thêm. Số lượng cổ phần tăng thêm có hiệu lực niêm yết kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2018.

Theo Quyết định số 2A/2018/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định thanh toán cổ tức đợt 1 năm 2018 với tỷ lệ là 5% mệnh giá cổ phiếu bằng tiền mặt vào ngày 19 tháng 3 năm 2019.

31. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát được tính như sau:

	Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công VND	Công ty Cổ phần Thành Quang VND	Công ty TNHH TC Tower VND
Vốn điều lệ của công ty con	21.700.000.000	38.195.950.000	127.320.000.000
<i>Trong đó:</i>			
Vốn góp từ Công ty mẹ	15.395.000.000	37.645.950.000	127.320.000.000
Vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	6.305.000.000	550.000.000	-
	29,06%	1,44%	14,67%

Tỷ suất lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát dựa vào tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công VND	Công ty Cổ phần Thành Quang VND	Công ty TNHH TC Tower VND	Tổng VND
Tổng tài sản	34.418.945.093	62.420.053.615	137.107.981.585	233.946.980.293
Tổng công nợ	8.053.803.388	487.499.529	9.973.060.520	18.514.363.437
Tài sản thuần	26.365.141.705	61.932.554.086	127.134.921.065	215.432.616.856
<i>Trong đó:</i>				
Vốn góp chủ sở hữu	21.700.000.000	38.195.950.000	127.320.000.000	187.215.950.000
Quỹ đầu tư phát triển	1.253.706.919	-	-	1.253.706.919
Quỹ khác	152.146.762	-	-	152.146.762
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) lũy kế	3.259.288.024	23.736.604.086	(185.078.935)	26.810.813.175
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	7.660.788.099	891.793.626	(27.151.080)	8.525.430.645
<i>Trong đó:</i>				
Vốn góp chủ sở hữu	6.305.000.000	550.000.000	-	6.855.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	364.327.230	-	-	364.327.230
Quỹ khác	44.213.849	-	-	44.213.849
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) lũy kế	947.247.020	341.793.626	(27.151.080)	1.261.889.566

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Lợi ích cổ đông không kiểm soát dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công VND	Công ty Cổ phần Thành Quang VND	Công ty TNHH TC Tower VND	Tổng VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của công ty con	3.306.044.984	23.836.222.651	(3.000.000)	27.139.267.635
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	960.736.672	343.228.077	(440.100)	1.303.524.649

Thay đổi lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số đầu năm	6.855.000.000	(389.404.000)	98.470.468	-	1.231.988.772	7.796.055.240
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.303.524.649	1.303.524.649
Phân phối quỹ	-	389.404.000	265.856.762	44.213.849	(920.543.855)	(221.069.244)
Cổ tức	-	-	-	-	(353.080.000)	(353.080.000)
Số cuối năm	6.855.000.000	-	364.327.230	44.213.849	1.261.889.566	8.525.430.645

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

32. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản thuê ngoài (Xem Thuyết minh số 43):

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
- Trong vòng một năm	7.672.354.627	7.656.974.695
- Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	12.158.604.604	18.274.022.844
- Sau năm năm	48.943.265.805	49.521.319.434
	68.774.225.036	75.452.316.973

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	1.523.874	1.591.897
Yên Nhật (JPY)	94.983	96.435
Euro (EUR)	188	199

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
May mặc và dệt may		
Doanh thu	3.615.495.879.502	3.166.775.528.972
Giá vốn	2.954.064.792.635	2.681.220.618.737
Lợi nhuận gộp	661.431.086.867	485.554.910.235
Dịch vụ chăm sóc sức khỏe		
Doanh thu	42.609.281.176	37.320.132.104
Giá vốn	28.192.764.406	23.957.675.249
Lợi nhuận gộp	14.416.516.770	13.362.456.855
Khác		
Doanh thu	3.905.557.509	4.975.106.491
Giá vốn	982.042.692	1.011.082.675
Lợi nhuận gộp	2.923.514.817	3.964.023.816

Báo cáo tài chính hợp nhất không trình bày báo cáo bộ phận theo tài sản do Ban Giám đốc không có thông tin về bộ phận này.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("Xuất khẩu"). Công ty không tiến hành lập báo cáo bộ phận cho các chi tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất do không đủ cơ sở để tiến hành chia tách.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trong nước		
Doanh thu	397.629.116.886	306.213.565.677
Giá vốn	317.951.794.360	272.164.183.374
Lợi nhuận gộp	79.677.322.526	34.049.382.303
Xuất khẩu		
Doanh thu	3.264.381.601.301	2.902.857.201.890
Giá vốn	2.665.287.805.373	2.434.025.193.287
Lợi nhuận gộp	599.093.795.928	468.832.008.603

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

34. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Sản phẩm vải và may mặc	3.541.172.345.358	3.056.266.010.255
Phí gia công	76.757.754.530	111.130.341.149
Khác	46.514.838.685	42.295.238.596
	3.664.444.938.573	3.209.691.590.000
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh 46)	994.849.553.054	812.219.678.334
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại/giảm giá	(2.434.220.386)	(620.822.433)
	3.662.010.718.187	3.209.070.767.567

35. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.926.210.625.800	1.734.682.778.503
Chi phí nhân công	650.661.998.047	578.644.020.267
Chi phí khấu hao	46.000.913.072	49.432.159.564
Chi phí sản xuất chung	359.384.020.122	342.419.335.652
Chi phí khác	982.042.692	1.011.082.675
	2.983.239.599.733	2.706.189.376.661

36. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.800.046.115.944	1.605.994.987.892
Chi phí nhân công	839.473.254.391	678.208.742.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	105.183.839.959	106.159.907.651
Chi phí dịch vụ bên ngoài	650.155.314.764	593.649.355.391
Chi phí khác	239.114.539.476	145.797.733.245
	3.633.973.064.534	3.129.810.727.067

37. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.660.488.635	7.952.218.591
Cổ tức được chia	359.173.200	310.423.200
Lãi chênh lệch tỷ giá	15.890.552.209	17.756.975.613
	31.910.214.044	26.019.617.404

38. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	51.903.106.747	47.846.984.986
Hoàn nhập các khoản dự phòng đầu tư tài chính	-	(658.346.950)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	30.306.458.460	12.966.736.977
Lỗ từ thanh lý đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	7.028.393.798	-
Lỗ từ thanh lý đầu tư vào Công ty Cổ phần Thành Chí	-	10.941.057.857
Khác	232.605.125	355.117.113
	89.470.564.130	71.451.549.983

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

39. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí vật liệu	641.605.861	694.102.938
Chi phí nhân viên	54.233.137.803	47.203.567.626
Chi phí khấu hao	442.356.559	215.939.647
Chi phí mua ngoài	46.993.218.371	29.722.800.232
Chi phí khác	41.486.701.383	34.389.644.603
	143.797.019.977	112.226.055.046
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Đồ dùng văn phòng	4.065.060.623	4.659.689.064
Chi phí nhân viên	73.049.443.287	72.882.607.246
Chi phí khấu hao	7.063.552.252	6.737.244.221
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	79.336.764.525	634.979.500
Chi phí mua ngoài	13.986.926.715	13.036.236.333
Chi phí khác	52.540.954.463	49.618.216.381
	230.042.701.865	147.568.972.745

40. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	30.740.862.387	2.924.412.630
Thu thanh lý, nhượng bán vật tư	271.360.102	965.484.820
Lãi từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	17.160.081.955	41.230.404.486
Lãi từ giao dịch mua ré công ty liên kết tại ngày mua	26.946.274.008	-
Thu nhập khác	476.003.136	1.283.566.965
	75.594.581.588	46.403.868.901

41. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi từ thanh lý, nhượng bán vật tư	196.465.765	875.889.893
Chi phí khác	441.553.000	3.270.663.281
	638.018.765	4.146.553.174

42. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	81.893.877.683	42.931.869.283
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(3.837.882.105)	1.563.633.599
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	78.055.995.578	44.495.502.882

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	323.429.393.787	235.151.492.771
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	86.039.994.630	35.938.039.357
- Tăng thu nhập chịu thuế	115.743.792.805	54.743.432.220
- Giảm thu nhập chịu thuế	(29.703.798.175)	(18.805.392.863)
Thu nhập tính thuế	409.469.388.417	271.089.532.128
Trong đó:		
+ Thu nhập từ các hoạt động hưởng thuế suất ưu đãi	-	225.720.742.971
+ Thu nhập khác	409.469.388.417	45.368.789.157
Thuế suất áp dụng		
+ Đối với thu nhập từ các hoạt động hưởng thuế suất ưu đãi	-	15%
+ Đối với thu nhập khác	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	81.893.877.683	42.931.869.283
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	81.893.877.683	42.931.869.283

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	15.062.240.587	1.960.123.571
Tổng thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	15.062.240.587	1.960.123.571

Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 15% trong 12 năm từ năm 2006 đến năm 2017 đối với các hoạt động chính tại khu công nghiệp. Năm 2017 là năm cuối cùng Công ty được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 15%. Năm 2018, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng là 20%.

43. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9.574.302.019	9.012.012.087

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê đất tại Quận Tân Phú - Thành phố Hồ Chí Minh và phí quản lý tại Khu công nghiệp Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh, Khu công nghiệp Hòa Phú - Tỉnh Vĩnh Long và Khu công nghiệp Trảng Bàng - Tỉnh Tây Ninh. Các điều khoản hợp đồng và phí thuê được quy định cụ thể tại mỗi hợp đồng.

Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các khoản cam kết đầu tư vốn trong tương lai như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5.168.154.133	2.535.269.262
Mua sắm máy móc thiết bị	29.325.837.202	2.402.528.698
Khác	414.293.076	414.293.076
	34.908.284.411	5.352.091.036

44. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	259.132.114.147	191.766.341.134
Trừ: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	38.869.817.122	28.764.951.170
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	220.262.297.025	163.001.389.964
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	54.129.605	54.129.605
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.069	3.011

Để đảm bảo tính so sánh, quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay dùng để loại trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính bằng 15% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHCD ngày 06 tháng 4 năm 2018.

Trình bày lại số liệu năm trước

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trong năm Công ty chia cổ phiếu bằng cổ tức. Theo đó, số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Thay đổi VND	Số trình bày lại VND
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm		51.553.379	2.576.226	54.129.605
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.162	(151)	3.011

45. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 26 và 28 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	1.229.843.349.540	1.262.424.865.401
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(216.257.327.777)	(130.484.287.864)
Nợ thuần	1.013.586.021.763	1.131.940.577.537
Vốn chủ sở hữu	1.276.398.448.284	1.071.618.263.963
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,79	1,06

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	216.257.327.777	130.484.287.864
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	202.565.000.000	151.125.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	261.404.828.852	456.764.152.426
Các khoản đầu tư	4.738.550.000	4.738.550.000
684.965.706.629	743.111.990.290	
Công nợ tài chính		
Các khoản nợ thuê tài chính	122.955.510.200	143.771.418.554
Các khoản vay	1.106.887.839.340	1.118.653.446.847
Phải trả người bán và phải trả khác	315.974.146.553	306.357.493.411
Chi phí phải trả	4.352.038.944	12.699.977.913
1.550.169.535.037	1.581.482.336.725	

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Nợ phải trả	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ (USD)	419.574.674.083	504.166.574.048	1.141.148.795.300	1.152.279.966.352
Euro (EUR)	4.965.658	5.383.588	362.820.800	-
Yên Nhật (JPY)	19.723.220	19.300.501	-	-
419.599.362.961	504.191.258.137	1.141.511.616.100	1.152.279.966.352	

2012
CHI
CẾ
ỊCH
DE
VII

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá.

Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đô la Mỹ (USD)	36.078.706.061	32.405.669.615

Áp dụng phân tích tương tự đối với Euro và Yên Nhật, mức tăng/giảm của Euro và Yên Nhật không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm/tăng 22.137.756.787 đồng (năm trước: 22.373.068.937 đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phần do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phần đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phần bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phần như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phần là không đáng kể.

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty khác. Ban Giám đốc của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty khác như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro tín dụng chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn tại các ngân hàng. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đối với các khoản phải thu khách hàng, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác ngoại trừ các khách hàng đã trích lập dự phòng như đã nêu tại Thuyết minh số 10. Đối với tiền, Công ty quản lý rủi ro tín dụng này bằng cách chỉ giao dịch với các ngân hàng có hệ số tín dụng cao hoặc có danh tiếng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	216.257.327.777	-	216.257.327.777
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	202.565.000.000	-	202.565.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	261.399.828.852	5.000.000	261.404.828.852
Các khoản đầu tư	-	4.738.550.000	4.738.550.000
	680.222.156.629	4.743.550.000	684.965.706.629
Các khoản nợ thuế tài chính	43.983.173.566	78.972.336.634	122.955.510.200
Các khoản vay	963.724.597.948	143.163.241.392	1.106.887.839.340
Phải trả người bán và phải trả khác	315.974.146.553	-	315.974.146.553
Chi phí phải trả	4.352.038.944	-	4.352.038.944
	1.328.033.957.011	222.135.578.026	1.550.169.535.037
Chênh lệch thanh khoản thuần	(647.811.800.382)	(217.392.028.026)	(865.203.828.408)
Số đầu năm	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.484.287.864	-	130.484.287.864
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	151.125.000.000	-	151.125.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	456.759.152.426	5.000.000	456.764.152.426
Các khoản đầu tư	-	4.738.550.000	4.738.550.000
	738.368.440.290	4.743.550.000	743.111.990.290
Các khoản nợ thuế tài chính	43.073.916.432	100.697.502.122	143.771.418.554
Các khoản vay	925.801.901.993	192.851.544.854	1.118.653.446.847
Phải trả người bán và phải trả khác	306.357.493.411	-	306.357.493.411
Chi phí phải trả	12.699.977.913	-	12.699.977.913
	1.287.933.289.749	293.549.046.976	1.581.482.336.725
Chênh lệch thanh khoản thuần	(549.564.849.459)	(288.805.496.976)	(838.370.346.435)

Bất chấp các chênh lệch thanh khoản hiện tại, Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn dựa trên nguồn tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh và bằng việc duy trì tối thiểu một số các khoản tín dụng sẵn sàng sử dụng. Hạn mức tín dụng còn lại của các khoản vay có thể sử dụng được trình bày tại Thuyết minh số 26 và số 28.

002-C
NH
Y
ƯU HẠ
TE
AM
5CH

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

46. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
E-land Asia Holdings Pte Ltd	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (đã thoái vốn kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2018)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex (góp vốn kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2018)	Công ty liên kết
Eland World Limited	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Fashion (Shanghai) Co., Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Fashion Hong Kong Limited - Taiwan Branch	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Asia Holding Pte.Ltd - Hong Kong Branch	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Fashion Hong Kong Limited	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Retail Limited	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Công ty TNHH Eland Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Công ty Cổ phần S.Y VINA	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Wish Trading (Shanghai) Co., Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Wish Fashion (Shanghai) Co., Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Fashion India Pvt. Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Bán hàng		
Eland World Limited	660.667.132.495	574.841.667.040
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	512.883.000	6.199.501.456
Eland Fashion (Shanghai) Co., Ltd	78.105.287	2.177.090.301
Eland Asia Holding Pte.Ltd - Hong Kong Branch	189.038.906.013	131.531.522.756
Eland Fashion Hong Kong - Taiwan Branch	-	4.612.070.131
Công ty Cổ Phần S.Y VINA	168.599.000	430.234.301
Eland Fashion Hong Kong Limited	-	8.615.865.884
Eland Retail Limited	141.640.174.410	81.135.238.857
Công ty TNHH Eland Việt Nam	1.985.193.817	2.270.901.197
Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex	758.559.032	405.586.411
	994.849.553.054	812.219.678.334
Mua hàng		
Eland World Limited	505.224.750	3.060.232.020
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	23.856.601.517	19.115.239.001
Công ty TNHH Eland Việt Nam	18.087.858.335	14.373.840.465
Công ty Cổ Phần S.Y VINA	7.728.496.319	1.685.398.459
Công ty CP Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex	6.082.790.923	5.353.135.577
Wish Trading (Shanghai) Co., Ltd	5.110.849.118	5.483.256.587
Eland Fashion India Pvt. Ltd	2.695.712.649	1.686.161.300
Eland Fashion Hong Kong Limited - Taiwan Branch	-	282.924.727
	64.067.533.611	51.040.188.136
Mua tài sản cố định		
Công ty TNHH Eland Việt Nam	64.069.107.628	-
Lãi vay		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	-	551.662.247
Cổ tức công bố cho		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	22.334.329.000	21.270.789.500

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	13.097.740.404	12.080.214.246

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Eland World Limited	48.014.387.219	169.592.155.100
Eland Asia Holding Pte.Ltd - Hong Kong Branch	35.735.070.619	35.906.254.964
Eland Retail Limited	623.686.001	10.353.767.960
Công ty TNHH Eland Việt Nam	137.971.403	204.880.344
Công ty Cổ phần S.Y VINA	164.649.000	-
Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex	433.030.400	-
	85.108.794.642	216.057.058.368
Các khoản phải thu khác		
Eland World Limited	241.114.426	-
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	5.940.745.248	5.006.533.007
Eland World Limited	-	1.371.352.465
Công ty TNHH Eland Việt Nam	46.860.798.065	7.069.569.052
Wish Trading (Shanghai) Co.Ltd	114.779.507	834.172.841
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành Công	-	115.818.024
Công ty Cổ phần S.Y VINA	1.759.535.099	-
Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex	478.546.689	2.014.307.826
	55.154.404.608	16.411.753.215
Trả trước người bán		
Eland Fashion India Pvt. Ltd	1.739.694.500	-
Lãi vay phải trả		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	-	7.902.543.679

47. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 1.457.847.455 đồng là số tiền lãi dự thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm 1.357.246.416 đồng là số tiền lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước thu được trong năm này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 1.625.206.459 đồng, là số tiền lãi trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên tiền lãi vay đã trả trong năm đã bao gồm 9.036.763.004 đồng là số tiền lãi của năm trước đã trả trong năm này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi xây dựng và mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm 44.848.375.191 đồng (năm 2017: không đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi xây dựng và mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm 21.193.285.010 đồng (năm 2017: 14.833.688.880 đồng), là tài sản mua thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định không bao gồm số tiền 24.669.695.000 đồng là số tiền người mua đã trả trước trong năm trước.


Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm khoản tiền 153.122.985 đồng là số tiền cổ tức đã công bố mà chưa thanh toán (năm 2017: 191.018.470 đồng) và khoản tiền 25.762.260.000 đồng là khoản cổ tức được trả bằng cổ phiếu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả. Đồng thời, vốn góp trong năm không thể hiện khoản phi tiền tệ này.


48. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu năm nay, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Bảng kết quả hoạt động kinh doanh				
Thu nhập khác	31	77.997.750.421	(31.593.881.520)	46.403.868.901
Chi phí khác	32	35.740.434.694	(31.593.881.520)	4.146.553.174


Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập


Nguyễn Minh Hào
Kế toán trưởng


Lee Eun Hong
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2019



TỔNG GIÁM ĐỐC



LEE EUN HONG



XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NGÀY 09 THÁNG 04 NĂM 2019



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Địa chỉ: 36 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (028) 38 153962

Fax: (028) 38 152757

Website: www.thanhcong.com.vn